

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG**  
**KHOA QUẢN TRỊ KINH TẾ QUỐC TẾ**



ĐỀ TÀI:

**PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TẠI LÀNG**  
**VĂN HÓA – LỊCH SỬ DÂN TỘC CHƠ RO -**  
**KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VĂN HÓA**  
**ĐỒNG NAI**

**Chủ nhiệm đề tài: ThS. Phan Văn Hải**  
*Khoa Quản trị - kinh tế quốc tế*

*Biên Hòa, tháng 6 năm 2012*

## DANH MỤC VIẾT TẮT TRONG ĐỀ TÀI

<b>KBT</b>	- Khu bảo tồn
<b>KBTTN-VH</b>	- Khu Bảo tồn thiên nhiên – văn hóa
<b>VQG</b>	- Vườn quốc gia
<b>UBND</b>	- Ủy ban nhân dân
<b>VH-TT-DL</b>	- Văn hóa – Thể thao – Du lịch
<b>TW</b>	- Trung ương
<b>IUCN</b>	- Liên minh Quốc tế Bảo tồn thiên nhiên và Tài nguyên thiên nhiên

## DANH MỤC BẢNG TRONG ĐỀ TÀI

<b>STT</b>	<b>Tên bảng</b>	<b>Trang</b>
1	Bảng 2.1: Những mong muốn cải thiện của du khách từ hoạt động du lịch tại làng Chơ ro	33
2	Bảng 2.2: Thăm dò ý kiến người dân địa phương về xây dựng mô hình làng du lịch	35
3	Bảng 2.3: Các hoạt động du lịch mà người dân muốn tham gia	36

## MỤC LỤC

	Trang
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Lịch sử nghiên cứu .....	2
3. Mục tiêu nghiên cứu .....	2
4. Giới hạn và phạm vi nghiên cứu của đề tài .....	2
5. Phương pháp nghiên cứu .....	3
6. Kết quả nghiên cứu .....	3
7. Kết cấu đề tài .....	4
<b>CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ MÔ HÌNH LÀNG DU LỊCH</b> ....	5
1.1. Giới thiệu khái quát về mô hình “Làng du lịch” .....	5
1.1.1. Khái niệm .....	5
1.1.2. Các thể loại .....	5
1.1.3. Đặc điểm.....	5
1.2. Ý nghĩa của loại hình lưu trú làng du lịch trong hoạt động du lịch và phát triển kinh tế xã hội .....	7
1.2.1. Ý nghĩa của loại hình lưu trú làng du lịch trong hoạt động du lịch.....	7
1.2.2. Ý nghĩa của loại hình lưu trú du lịch trong phát triển kinh tế xã hội .....	8
1.3. Các yếu tố cấu thành của mô hình làng du lịch văn hóa .....	9
1.3.1. Yếu tố thứ nhất là làng du lịch văn hoá phải có các cảnh quan môi trường sạch đẹp, có sắc thái tộc người .....	9
1.3.2. Yếu tố thứ hai là làng du lịch văn hoá phải có các di sản văn hoá phong phú và mang tính độc đáo, hấp dẫn đối với du khách .....	10
1.3.3. Yếu tố thứ ba là khai thác các nguồn lực tài nguyên du lịch văn hoá nhằm phục vụ các hoạt động du lịch .....	10
1.3.4. Yếu tố thứ tư là đảm bảo đi lại cho du khách thuận lợi .....	11
1.3.5. Các yếu tố cấu thành của mô hình làng du lịch văn hóa – lịch sử.....	12
1.4. Một số kinh nghiệm phát triển loại hình làng du lịch ở Việt Nam.....	12

<b>CHƯƠNG 2: TIỀM NĂNG VÀ THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TẠI KHU BTTT-VH ĐỒNG NAI VÀ LÀNG DÂN TỘC CHƠ RO .....</b>	<b>16</b>
2.1. Tiềm năng và thực trạng hoạt động du lịch tại Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai.....	16
2.1.1. Tiềm năng du lịch tại Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai.....	16
2.1.1.1. Giới thiệu khái quát về Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai .....	16
2.1.1.2. Tiềm năng phát triển du lịch tại Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai .....	16
2.1.2. Thực trạng hoạt động du lịch tại Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai .....	19
2.1.2.1. Giới thiệu về các dự án phát triển tại khu bảo tồn.....	19
2.1.2.2. Thực trạng về kinh doanh du lịch và hệ thống cơ sở lưu trú.....	21
2.1.2.3. Đánh giá tổng quan các dịch vụ du lịch tại Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai.....	22
2.2. Đánh giá tiềm năng và thực trạng hoạt động du lịch tại làng dân tộc Chơ ro .....	23
2.2.1. Giới thiệu khái quát về dân tộc Chơ ro thuộc ấp Lý Lịch 1 xã Phú Lý huyện Vĩnh Cửu .....	23
2.2.2. Đánh giá tiềm năng phát triển du lịch tại làng dân tộc Chơ ro thuộc ấp Lý Lịch 1 xã Phú Lý huyện Vĩnh Cửu .....	24
2.2.2.1. Tiềm năng phát triển du lịch tại làng dân tộc Chơ ro thuộc ấp Lý Lịch 1 xã Phú Lý huyện Vĩnh Cửu .....	25
2.2.2.2. Thăm dò ý kiến của khách du lịch đối với việc xây dựng làng du lịch văn hóa - lịch sử tại làng dân tộc Chơ ro .....	30
2.2.2.3. Thăm dò ý kiến của người dân địa phương đối với việc xây dựng làng du lịch văn hóa - lịch sử tại làng dân tộc Chơ ro .....	34
2.2.2.4. Thăm dò ý kiến của các cấp quản lý đối với việc xây dựng làng du lịch văn hóa - lịch sử tại làng dân tộc Chơ ro.....	36
2.3. Ý nghĩa của việc xây dựng “làng du lịch văn hóa- lịch sử” tại làng dân tộc Chơ ro .....	37
2.3.1. Những lợi ích về kinh tế du lịch .....	37
2.3.2. Những lợi ích về văn hóa - xã hội .....	39

2.3.3. Những lợi ích về môi trường .....	40
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG MÔ HÌNH LÀNG DU LỊCH VĂN HÓA – LỊCH SỬ TẠI KHU BTTN-VH ĐỒNG NAI ...</b>	<b>42</b>
3.1. Định hướng xây dựng mô hình làng du lịch văn hóa – lịch sử tại làng dân tộc Chơ ro thuộc khu BTTN-VH Đồng Nai.....	42
3.2. Một số giải pháp bước đầu trong việc xây dựng mô hình làng du lịch văn hóa- lịch sử tại làng dân tộc Chơ ro thuộc khu BTTN-VH Đồng Nai.....	43
3.2.1. Các giải pháp về cơ chế chính sách.....	43
3.2.2. Các giải pháp về xây dựng .....	44
3.2.3. Các giải pháp về tổ chức quản lý và chia sẻ lợi ích từ du lịch .....	45
3.2.4. Các giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực cộng đồng .....	46
3.2.5. Các giải pháp về nguồn vốn và liên kết đầu tư.....	47
3.2.6. Các giải pháp về tiếp thị quảng cáo .....	48
3.2.7. Các giải pháp về phát triển sản phẩm du lịch .....	48
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>50</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>52</b>
<b>PHỤ LỤC</b>	

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Ngày nay trên phạm vi toàn thế giới, *Du lịch* được xem là ngành kinh tế quan trọng, có tốc độ tăng trưởng nhanh và liên tục.

Ở nước ta trong những năm gần đây hoạt động du lịch cũng đã chứng kiến những bước phát triển nhanh chóng. Du lịch đã trở thành một hoạt động mang tính đại chúng. Vì vậy các hoạt động kinh doanh du lịch cũng ngày càng đa dạng để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của du khách.

Đồng Nai là một vùng đất có truyền thống lịch sử lâu đời, anh hùng trong đấu tranh, với nhiều danh lam thắng cảnh đẹp có giá trị lớn cho phát triển du lịch. Là tỉnh có núi cao, sông dài tiềm năng du lịch phong phú, đa dạng, có sức hấp dẫn không chỉ đối với người dân trong tỉnh mà còn cả đối với đông đảo người dân trong nước, bạn bè quốc tế.

Hiện nay các hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đang có những bước phát triển nhanh chóng cùng với sự phát triển chung của ngành du lịch và sự phát triển của nền kinh tế - xã hội của tỉnh nhà. Tuy nhiên hiện nhiều tài nguyên du lịch của tỉnh vẫn còn ở dạng tiềm năng, nhất là ở các khu vực miền núi – nơi tập trung rất nhiều tài nguyên du lịch hấp dẫn.

Khu bảo tồn tự nhiên - văn hóa Đồng Nai (KBTN-VH) được thành lập trên cơ sở khu bảo tồn thiên nhiên Vĩnh Cửu. Nơi đây không chỉ bảo tồn các giá trị to lớn về tự nhiên mà còn là nơi lưu giữ các di tích lịch sử có giá trị của căn cứ TW cục Miền Nam và văn hóa của các dân tộc bản địa. Hiện tại tỉnh Đồng Nai đang có quy hoạch tổng thể cho việc xây phát triển khu bảo tồn.

Vì vậy việc “***nghiên cứu phát triển hoạt động du lịch tại làng văn hóa - lịch sử dân tộc Chơ ro – khu BTTN-VH Đồng Nai***” nhằm góp phần tạo nên hoạt động du lịch phù hợp, không chỉ cho công tác bảo tồn mà còn tạo một địa chỉ du lịch hấp dẫn và ý nghĩa cho du khách đến tham quan, lưu trú.

## **2. Lịch sử nghiên cứu**

Trên thế giới, việc nghiên cứu và phát triển các làng du lịch đã được tiến hành từ lâu. Ở một số quốc gia như: Thụy Sĩ, Tây Ban Nha và một số nước Châu Phi việc áp dụng mô hình này đã có những thành công.

Tại Việt Nam, các vấn đề lý luận về làng du lịch chưa có nhiều. Tuy nhiên cũng đã có những địa phương trên cơ sở tận dụng những nét văn hóa, di tích lịch sử đã có sự phát triển tương đối thành công. Điển hình cho mô hình du lịch này là: Mai Châu (Hòa Bình), Sapa (Lào Cai), Buôn Đôn (Đắk Lắk)...

Tại khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai thì việc nghiên cứu xây dựng các làng, bản dân tộc thiểu số cho phát triển du lịch hầu như chưa được tiến hành, mặc dù hiện tại du lịch tại điểm Chiến khu D và làng dân tộc Chơ ro tương đối phát triển.

## **3. Mục tiêu nghiên cứu**

Trên cơ sở vận dụng các vấn đề lý luận và thực tiễn về du lịch, làng du lịch..., đề tài có mục tiêu chủ yếu là đánh giá khả năng, hiện trạng phát triển hệ thống cơ sở lưu trú và sự phát triển du lịch tại khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai. Đánh giá lợi ích của việc xây dựng và phát triển “làng du lịch”. Để từ đó đưa ra những định hướng và giải pháp nhằm xây dựng và phát triển du lịch tại “làng văn hóa - lịch sử” dân tộc Chơ ro - khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai. Góp phần bảo tồn các giá trị tự nhiên, văn hóa lịch sử và phát triển du lịch trên địa bàn nghiên cứu.

## **4. Giới hạn và phạm vi nghiên cứu của đề tài**

### ***4.1. Giới hạn nội dung nghiên cứu***

Về nội dung, đề tài tập trung nghiên cứu tiềm năng phát triển du lịch tại khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai, đặc biệt đánh giá chi tiết tiềm năng và ý nghĩa của việc phát triển loại hình “làng du lịch văn hóa- lịch sử” tại làng dân tộc Chơ ro xã Phú Lý huyện Vĩnh Cửu. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp thực hiện việc xây dựng và phát triển hoạt động du lịch nơi đây.

#### ***4.2. Giới hạn lãnh thổ nghiên cứu***

Đề tài nghiên cứu tổng thể lãnh thổ của khu bảo tồn thiên nhiên – văn hóa Đồng Nai. Đặc biệt tập trung nghiên cứu chi tiết tại ấp Lí Lịch<sup>1</sup> xã Phú Lý huyện Vĩnh Cửu.

### **5. Phương pháp nghiên cứu**

Trong đề tài tác giả sử dụng các phương pháp chính sau:

#### ***5.1. Phương pháp thu thập và xử lý tài liệu***

Phương pháp thu thập và xử lý tài liệu nhằm nghiên cứu và xử lý các tài liệu trong phòng, dựa trên cơ sở các nguồn tài liệu khác nhau và từ thực tế đi thu thập của tác giả.

Các tài liệu trong đề tài được thu thập từ Sở VH-TT-DL tỉnh Đồng Nai; Khu Bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai và các nguồn thông tin khác...

#### ***5.2. Phương pháp thực địa***

Là phương pháp nghiên cứu trực tiếp, tác giả nghiên cứu tự đi đến thực tế để thu thập thông tin, số liệu, hình ảnh... và các địa phương có liên quan đến hoạt động nghiên cứu của đề tài.

#### ***5.3. Phương pháp khai thác phần mềm của hệ thống thông tin***

Đây là phương pháp sử dụng các thiết bị máy tính điện tử và các phần mềm chuyên dụng để thu thập, xử lý các thông tin, số liệu, khai thác nội dung kiến thức phong phú trên mạng internet về các vấn đề liên quan. Các phần mềm được sử dụng: Windows, Excel, Mapinfo...

#### ***5.4. Phương pháp điều tra xã hội học***

Đây là phương pháp sử dụng các hoạt động điều tra nhằm thu thập các thông tin cần thiết về vấn đề nghiên cứu. Trong đề tài tác giả sử dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp và bảng hỏi để thu thập thông tin từ du khách, người dân địa phương và các cấp quản lý.

### **6. Kết quả nghiên cứu**

- Đức kết có chọn lọc những vấn đề lý luận về làng du lịch, làng văn hóa. Vận dụng vào nghiên cứu tại khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai.



- Kiểm kê được những tiềm năng phát triển du lịch tại khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai và làng dân tộc Chơ ro.
- Đánh giá được hiện trạng phát triển và những lợi ích mang lại cho du lịch khi xây dựng và phát triển du lịch tại địa bàn nghiên cứu.
- Đề xuất được những định hướng và giải pháp phát triển hoạt động du lịch tại làng văn hóa - lịch sử dân tộc Chơ ro.

## **7. Cấu trúc đề tài**

Ngoài phần mở đầu và kết luận cấu trúc đề tài được phân thành ba chương:

***Chương 1: Giới thiệu khái quát về làng du lịch***

***Chương 2: Tiềm năng và thực trạng hoạt động du lịch tại Khu BTTN-VH Đồng Nai và làng dân tộc Chơ ro***

***Chương 3: Một số định hướng và giải pháp phát triển hoạt động du lịch tại làng văn hóa - lịch sử dân tộc Chơ ro – Khu BTTN-VH Đồng Nai***

# CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ LÀNG DU LỊCH

## 1.1. Giới thiệu khái quát về “Làng du lịch”

Cơ sở lưu trú du lịch là cơ sở cho thuê buồng, giường và cung cấp các dịch vụ khác phục vụ khách lưu trú, trong đó khách sạn là cơ sở lưu trú du lịch chủ yếu (Điều 4 Luật Du lịch Việt Nam). Trong hoạt động du lịch hiện nay ngày càng có nhiều loại hình dịch vụ lưu trú cho sự lựa chọn của du khách. Một trong những loại hình được nhiều du khách quan tâm chính là loại hình “làng du lịch”.

### 1.1.1. Khái niệm

*Làng du lịch là loại hình cơ sở lưu trú du lịch tổng hợp thường được xây dựng theo quần thể trên một diện tích rộng, được quy hoạch gắn các tài nguyên du lịch. Các loại hình cơ sở lưu trú này có kết cấu hạ tầng mang tính chất quần thể với những ngôi nhà riêng biệt cho khách lưu trú cùng với nhiều loại hình dịch vụ khác đáp ứng nhu cầu của khách.*[3]

### 1.1.2. Các thể loại

- Căn cứ vào cơ sở vật chất của làng du lịch phân ra các thể loại loại: làng du lịch cao cấp, làng du lịch địa phương.
- Căn cứ vào vị trí xây dựng có thể phân ra: làng du lịch nghỉ núi, làng du lịch đồng bằng, làng du lịch nghỉ biển, ...

### 1.1.3. Đặc điểm

Làng du lịch có đặc điểm chung là có kết cấu hạ tầng đồng bộ, có nhiều cơ sở hạ tầng cùng sử dụng chung, các loại dịch vụ đa dạng...

Tuy nhiên tùy theo loại hình có các đặc điểm khác nhau:

#### a. Làng du lịch cao cấp

- *Vị trí, kiến trúc xây dựng*

Thường được xây dựng ở những nơi có nguồn tài nguyên du lịch hấp dẫn. Kiến trúc xây dựng quy hoạch đồng bộ và hiện đại, có tính thẩm mỹ cao. Thường

phân thành các khu vực: khu vực lưu trú, khu vực sinh hoạt chung, khu vực phục vụ chuyên đề.

*- Cơ sở vật chất kỹ thuật*

Cơ sở vật chất kỹ thuật của làng du lịch cao cấp khá đa dạng, hiện đại theo từng chuyên đề khác nhau, đáp ứng nhu cầu đa dạng của du khách.

*- Đặc điểm về sản phẩm*

Sản phẩm của làng du lịch cao cấp có chất lượng cao, hầu hết bán dưới hình thức trọn gói, với mức giá cao.

*- Đặc điểm về đối tượng khách*

Thích hợp cho đối tượng khách muốn có cuộc sống bình yên, đi theo nhóm nhỏ hay gia đình, thời gian lưu trú dài và có khả năng thanh toán cao.

*- Tổ chức lao động*

Đội ngũ lao động có tính chuyên môn hóa cao, được tổ chức liên kết chặt chẽ, đồng bộ.

*b. Làng du lịch địa phương*

*- Vị trí, kiến trúc xây dựng*

Làng du lịch địa phương thường được xây dựng ở những nơi gần với phong cảnh thiên nhiên đẹp, gần với một vùng văn hóa đặc sắc của dân cư. Kiến trúc xây dựng mang nét riêng về mặt văn hóa, phù hợp với môi trường xung quanh, gần gũi với cuộc sống của cộng đồng dân cư nơi đó.

*- Cơ sở vật chất kỹ thuật*

Cơ sở vật chất kỹ thuật khá đa dạng như loại hình làng du lịch cao cấp, nhưng chất lượng ở mức độ thấp hơn, một số làng du lịch còn tận dụng các cơ sở đã có ở địa phương để xây dựng. Các thiết bị mang phong cách truyền thống văn hóa địa phương.

*- Đặc điểm về sản phẩm*

Sản phẩm cũng đa dạng, nhưng giá cả tương đối thấp, có nhiều sản phẩm văn hóa truyền thống của địa phương.

*- Đặc điểm về đối tượng khách*

Khách hàng khá đa dạng, thích hợp cho những người muốn có cuộc sống dân dã, bình dị, yêu thích văn hóa truyền thống.

*- Tổ chức lao động*

Đội ngũ lao động nhìn chung có tính chuyên môn hóa không cao, chủ yếu là người dân bản địa với phong cách phục vụ riêng.

## **1.2. Ý nghĩa của loại hình lưu trú làng du lịch trong hoạt động du lịch và phát triển kinh tế xã hội**

### *1.2.1. Ý nghĩa của loại hình lưu trú làng du lịch trong hoạt động du lịch*

Là một trong những bộ phận của hệ thống cơ sở lưu trú du lịch, làng du lịch có vai trò vị trí quan trọng trong hoạt động du lịch:

- Trước hết, cùng với các loại hình lưu trú khác đây là một trong những yếu tố quan trọng không thể thiếu để tiến hành hoạt động du lịch.

- Các hoạt động kinh doanh lưu trú, trong đó có hoạt động kinh doanh tại các làng du lịch, là hoạt động mang lại hiệu quả cao nhất cho ngành du lịch. Đây là ngành mang lại doanh thu, lợi nhuận lớn nhất cho ngành du lịch ở mọi nơi, mọi vùng, mọi quốc gia có kinh doanh du lịch.

- Tạo điều kiện thuận lợi để xuất khẩu tại chỗ nhiều mặt hàng cho vùng, cho quốc gia. Trên thực tế tại các làng du lịch, các hoạt động sản xuất, buôn bán các sản phẩm thủ công truyền thống rất phát triển. Tại đó khi du khách đến tham quan tìm hiểu họ sẽ tiêu dùng nhiều giá trị vật chất và tinh thần của địa phương, thu lại nguồn lợi đáng kể, bên cạnh đó trước khi ra về họ còn mua các sản phẩm lưu niệm để mang về... điều đó tạo điều kiện cho các sản phẩm của người dân địa phương được “xuất khẩu” đi nhiều nơi.

- Cùng với các hoạt động kinh doanh du lịch khác hoạt động kinh doanh tại các làng du lịch là hoạt động tổng hợp thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển.

- Là nơi khai thác tài nguyên và tiềm năng du lịch của địa phương.

- Bản thân các làng du lịch là một phần trong tài nguyên du lịch, rất hấp dẫn thu hút nhiều du khách tham quan. Đặc biệt góp phần làm đa dạng hóa các sản phẩm du lịch của các địa phương, các vùng và quốc gia.

### *1.2.2. Ý nghĩa của loại hình lưu trú làng du lịch trong phát triển kinh tế xã hội*

Các hoạt động kinh doanh, phục vụ của các làng du lịch cùng với các hình thức kinh doanh du lịch khác đóng vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế xã hội, không những đáp ứng nhu cầu về mặt lưu trú, vui chơi giải trí... cho sự vận động của con người mà còn là một bộ phận không thể thiếu được trong việc phát triển kinh tế xã hội nói chung và du lịch nói riêng của một vùng, một quốc gia. Có thể tóm lược vai trò của làng du lịch đối với đời sống kinh tế xã hội qua một số điểm sau đây:

- Là hoạt động kinh doanh thu hút một số lượng lớn lao động trực tiếp và gián tiếp trong quá trình tạo ra các sản phẩm phục vụ lưu trú, du lịch tạo ra công ăn việc làm, góp phần giảm thiểu tình trạng thất nghiệp cho các địa phương. Ngoài ra còn phải kể đến những người gián tiếp phục vụ trong các ngành có liên quan như: bưu điện, điện, nước, cung cấp thực phẩm... Khi hoạt động kinh doanh tại các làng du lịch phát triển sẽ kéo theo việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế để phục vụ, cung ứng cho sự phát triển của hoạt động du lịch tại đây. Điều này có ý nghĩa hơn khi số lao động đó phần lớn là người dân bản địa. Tạo ra ý nghĩa đa chiều vừa có tác động đến kinh tế, văn hóa xã hội và bảo tồn.

- Là nơi thực hiện tái phân chia nguồn thu nhập của các tầng lớp dân cư và tái thu nhập từ vùng này đến vùng khác. Tại các làng du lịch không chỉ phục vụ khách nước ngoài mà còn phục vụ khách ở nhiều vùng trong nước, mặt khác khách đến tham quan có nhiều mức thu nhập khác nhau. Việc tiêu dùng dịch vụ, hàng hóa du lịch... sẽ mang đến nguồn thu nhập cho ngân sách nhà nước (thuế) và nguồn thu nhập cho dân cư nơi diễn ra các hoạt động kinh doanh du lịch. Đây chính là việc tái phân chia thu nhập trong xã hội.

- Là nơi tuyên truyền, quảng bá về đất nước và con người ở đất nước sở tại. Các làng du lịch có chính là một xã hội thu nhỏ. Khách đến nghỉ và vui chơi giải trí tại đây có thể hình dung được phần nào về con người, phong tục tập quán cũng như các mặt văn hóa xã hội của địa phương. Vì vậy nếu các hoạt động du lịch phục vụ tốt, chu đáo, khách sẽ đánh giá tốt và có ấn tượng đẹp về nơi đó. Sau đó, chính họ là những người tuyên truyền quảng cáo với những người khách khác về nơi mà họ đã đến ở, các món ăn, đồ uống đã được thưởng thức, những di tích đã được tham quan, những con người đã được tiếp xúc... Được khách hàng hài lòng là một nguồn lợi lớn cho các cơ sở lưu trú du lịch khi họ tuyên truyền quảng bá với bạn bè, họ hàng và người thân.

- Một ý nghĩa quan trọng của các làng du lịch chính là nơi lưu giữ các phong tục tập quán, văn hóa và các hoạt động sản xuất truyền thống. Có thể nói khi mà những yêu cầu về bảo tồn ngày càng gay gắt do tác động của sự phát triển kinh tế - xã hội. Một câu hỏi đặt ra là phải bảo tồn như thế nào. Các nghiên cứu và thực tiễn cho thấy rằng chính việc “du lịch hóa” các hoạt động bảo tồn đem lại hiệu quả rất cao và bền vững. Bởi chính các hoạt động du lịch sẽ làm cho các giá trị văn hóa truyền thống sống lại.

Trong việc xây dựng làng du lịch ngoài ý nghĩa cung cấp thêm các sản phẩm du lịch cho du khách. Thì chính môi trường du lịch đó sẽ là nơi bảo tồn phát triển các giá trị văn hóa truyền thống.

### **1.3. Các yếu tố cấu thành của mô hình làng du lịch văn hóa [4]**

*1.3.1. Yếu tố thứ nhất là làng du lịch văn hoá phải có các cảnh quan môi trường sạch đẹp, có sắc thái tộc người*

+ Cảnh quan thiên nhiên đẹp: Có rừng cây, suối, thác, núi, hang động... đồng thời phải mang bản sắc đặc trưng văn hoá từng tộc người, từng vùng. Làng của người Hmông có đặc trưng khác với làng người Tày, người Giáy, Ê đê... Đặc trưng này phản ánh cả ở cấu trúc không gian vật chất của làng gồm: đường làng, không gian ở, không gian sản xuất (nương rẫy, ruộng bậc thang, cánh

đồng...). Thậm chí ngay cả các cây trồng ở làng cũng trở thành những đặc điểm để phân biệt làng này với các làng khác.

+ Môi trường cư trú của dân làng phải đảm bảo yếu tố sạch, hợp vệ sinh (có nguồn nước sạch, chuồng trại gia súc làm xa nhà, nhà nghỉ phải có công trình vệ sinh, đường làng sạch sẽ...). Đồng thời môi trường đó cũng an toàn, không có các sự cố như lũ quét, cháy rừng, nhiễm xạ...

*1.3.2. Yếu tố thứ hai là làng du lịch văn hoá phải có các di sản văn hoá phong phú và mang tính độc đáo, hấp dẫn đối với du khách*

+ Di sản văn hoá vật thể là sản phẩm vật chất có giá trị văn hoá khoa học lịch sử bao gồm: kiến trúc nhà cửa, các công trình văn hoá tôn giáo, các di tích, danh lam thắng cảnh, các di vật về nghề thủ công, trang phục truyền thống...

+ Di sản văn hoá phi vật thể là sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học được lưu giữ bằng trí nhớ, chữ viết được lưu truyền bằng truyền miệng, truyền nghề... Di sản văn hoá phi vật thể ở các làng du lịch văn hoá bao gồm lễ hội, phong tục tập quán, tín ngưỡng dân gian, văn nghệ dân gian, các tri thức về bí quyết ẩm thực, chữa bệnh...

Các di sản này càng hấp dẫn với du khách hơn khi nó khác lạ với các làng du lịch văn hoá xung quanh, có sắc thái riêng. Càng lạ, càng độc đáo sẽ càng thu hút du khách.

*1.3.3. Yếu tố thứ ba là khai thác các nguồn lực tài nguyên du lịch văn hoá nhằm phục vụ các hoạt động du lịch*

+ Khai thác các tài nguyên, nguồn lực nhằm đáp ứng nhu cầu xem, giải trí của du khách như tổ chức tham quan cảnh đẹp thiên nhiên, tổ chức lễ hội, sinh hoạt văn hoá, giới thiệu trình diễn văn nghệ dân gian...

+ Khai thác các nguồn lực, tài nguyên du lịch văn hoá đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi, ăn uống. Xây dựng các nhà nghỉ, phòng nghỉ mang phong cách dân tộc, tổ chức các cửa hàng ăn uống, nấu ăn, phòng ăn...

+ Tổ chức các dịch vụ phục vụ du lịch khác như dẫn đường leo núi, xây dựng quầy bán hàng lưu niệm gắn với nghề thủ công truyền thống...

#### *1.3.4. Yếu tố thứ tư là đảm bảo đi lại cho du khách thuận lợi*

Có lối đi sạch sẽ thuận tiện, có đường leo núi phù hợp với môi trường tự nhiên. Đặc biệt, làng du lịch văn hoá phải nằm trong tuyến du lịch, có thị trường du lịch. Yếu tố này rất quan trọng, vì một làng dù giàu tài nguyên du lịch văn hoá đến mấy nhưng không nằm liền kề thị trường du lịch cũng rất khó thu hút du khách. Du khách không thể đi hàng trăm cây số đường vùng cao khó khăn chỉ để đến thăm một làng.

Như vậy, trong thực tế làng du lịch văn hoá được quyết định bởi ba nhóm nhân tố khác nhau:

- Nhóm nhân tố thứ nhất là các nhân tố liên quan đến sức hấp dẫn của làng du lịch văn hoá. Nhóm này bao gồm các vị trí địa lý (gần trung tâm du lịch, nằm trên tuyến du lịch), tài nguyên du lịch văn hoá (sự độc đáo và phong phú của nguồn tài nguyên).

- Nhóm nhân tố thứ hai là những nhân tố liên quan đến việc bảo đảm du khách lưu lại ở làng du lịch văn hoá. Đó là các cơ sở phục vụ việc nghỉ ngơi (cơ sở lưu trú như phòng ngủ, nhà nghỉ...), các cơ sở phục vụ ăn uống, phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí (xem văn nghệ, lễ hội...), mua sắm hàng thủ công lưu niệm...

- Nhóm nhân tố thứ ba gồm những nhân tố đảm bảo giao thông cho khách đến điểm du lịch (bao gồm những điều kiện đã có và khả năng mở các tuyến đường mới thuận tiện...).

Nhóm nhân tố thứ nhất là tạo ra vẻ hấp dẫn của làng du lịch văn hoá. Nhưng nhóm nhân tố thứ hai, thứ ba lại có ý nghĩa quyết định đến việc hình thành làng du lịch văn hoá. Nhân tố thứ nhất đóng vai trò tiềm năng, còn nhóm nhân tố thứ hai, thứ ba mới biến "tiềm năng" thành khả năng hiện thực. Vì vậy đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng (hệ thống đường giao thông, thông tin liên lạc) và xây dựng cơ sở lưu trú, khai thác các nguồn lực văn hoá phục vụ du lịch vẫn là vấn đề cấp thiết nhằm xây dựng làng du lịch văn hoá.



### *1.3.5. Các yếu tố cấu thành của mô hình làng du lịch văn hóa – lịch sử*

Trên cơ sở các yếu tố cấu thành làng du lịch văn hóa đó là: Yếu tố thứ nhất là làng du lịch văn hoá phải có các cảnh quan môi trường sạch đẹp, có sắc thái tộc người; Yếu tố thứ hai là làng du lịch văn hoá phải có các di sản văn hoá phong phú và mang tính độc đáo, hấp dẫn đối với du khách; Yếu tố thứ ba là khai thác các nguồn lực tài nguyên du lịch văn hoá nhằm phục vụ các hoạt động du lịch; Yếu tố thứ tư là đảm bảo đi lại cho du khách thuận lợi. Thì làng du lịch văn hóa – lịch sử phải còn đảm bảo yếu tố lịch sử đặc sắc, có giá trị. Giá trị lịch sử có thể gắn liền với một di tích lịch sử. Thứ hai là giá trị lịch sử đó còn là truyền thống đấu tranh anh dũng của người dân địa phương, gắn liền với các mốc lịch sử quan trọng. Và thứ ba là các giá trị lịch sử đó được lưu giữ, có khả năng khai thác cho mục đích giáo dục truyền thống và phát triển du lịch.

### **1.4. Một số kinh nghiệm phát triển loại hình làng du lịch ở Việt Nam**

Việt Nam là một đất nước có sự đa dạng về thành phần dân tộc và văn hóa. Hiện tại du khách quốc tế khi đến Việt Nam đều rất thích khám phá các di sản văn hóa đặc sắc này. Không những vậy ngày càng có nhiều khách du lịch trong nước cũng tìm đến với loại hình du lịch này.

Từ những cơ sở ban đầu là các làng văn hóa của các dân tộc ít người, một số địa phương của nước ta đã khai thác các thế mạnh của mình để phát triển du lịch, bước đầu đã có những thành công nhất định. Điển hình cho các hoạt động này là các địa phương sau đây.

#### ***\* Bản làng dân tộc thiểu số ở Mai Châu – Hòa Bình:***

Mai Châu có các khu du lịch cộng đồng như: Bản Lác (Chiềng Châu), xóm Pom Coọng, bản Văn (TT Mai Châu), bản du lịch sinh thái xóm Bưóc (Xăm Khòe), xóm Vặn (Piềng Vẻ)... Hàng năm đã thu hút 35.000 lượt khách trong và ngoài nước đến tham quan du lịch, trong đó khách trong nước 24.800 lượt người, khách quốc tế 10.200 lượt người, doanh thu từ lĩnh vực du lịch đạt gần 7 tỷ đồng. Thông qua việc bảo tồn, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa

vật thể và phi vật thể cũng như tài nguyên du lịch, hướng đến phát triển du lịch cộng đồng, Mai Châu đã giới thiệu cho khách tham quan du lịch về nếp sống, văn hóa và các phong tục tập quán của nhân dân các dân tộc; phát huy và khai thác các điều kiện tự nhiên cơ sở vật chất, xây dựng thôn, bản văn hóa, khôi phục lễ hội truyền thống và nghệ thuật dân gian tiêu biểu; phát triển làng nghề gắn với du lịch như dệt, đan, chế tạo nhạc cụ, sản xuất hàng lưu niệm..., đáp ứng nhu cầu mua sắm của khách du lịch, qua đó tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

Tiêu biểu cho hoạt động du lịch nơi đây là Bản Lác, thuộc thị trấn Mai Châu. Đây là nơi sinh sống của người dân tộc Thái với 5 dòng họ Hà, Lò, Vĩ, Mác, Lộc. Bản Lác đã có tuổi đời trên 700 năm. Trước đây dân bản chỉ sống dựa vào nghề trồng lúa nương và dệt thổ cẩm. Sau này, vẻ đẹp tiềm ẩn của bản Lác đã dần được du khách khám phá. Năm 1993, UBND huyện Mai Châu chính thức đề nghị tỉnh Hòa Bình cho phép khách du lịch nghỉ qua đêm trong bản. Cũng từ đó, cái tên bản Lác đã được nhiều người biết như một “điểm sáng” trên bản đồ du lịch Việt Nam.

Bài học thành công của hoạt động du lịch ở Mai Châu chính là việc đầu tư đúng đắn, đồng thời xác định chủ thể của các hoạt động, quản lý du lịch chính là người dân. Khi người dân được tự chủ, được giáo dục và chia sẻ lợi ích hợp lý thì chính họ sẽ là đối tượng bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa cho chính mình và phục vụ khách du lịch tốt hơn.

***\* Các bản làng dân tộc thiểu số ở Sa Pa:***

Sa Pa là một trong những điểm du lịch nổi tiếng ở nước ta. Khách du lịch trong và ngoài nước đến Sa Pa bị hấp dẫn bởi khí hậu dịu dàng, phong cảnh nên thơ, hùng vĩ, những thắng cảnh như thị trấn, đỉnh Phanxipăng... Gần đây, Sa Pa còn thu hút du khách bởi phương thức mới: Du lịch cộng đồng. Du khách có thể đến các bản làng, ăn ở, sinh hoạt với cộng đồng các dân tộc ở Sa Pa.

Ngành du lịch Sa Pa còn mở thêm năm tuyến du lịch mang tính cộng đồng, mỗi tuyến mang những nét đặc trưng về truyền thống sản xuất, đời sống

văn hoá của cộng đồng các dân tộc ở Sa Pa. Tuyến San Sả Hồ có bản Cát Cát có 100% người Mông sinh sống. Tuyến Sa Pa - Tả Van mang nét đặc trưng cùng với nếp sống, nét văn hoá của đồng bào dân tộc Giáy. Tuyến Sa Pa - Bản Hồ mang nét đặc trưng của dân tộc Tày. Tuyến Sa Pa - Tả Phìn mang nét đặc trưng của dân tộc Dao. Bình quân mỗi tuyến đã đầu tư cải tạo đường giao thông, xây dựng, sửa sang nhà văn hoá thôn, bản; hỗ trợ một số gia đình chỉnh trang lại nhà cửa, vườn tược mua sắm nội thất đủ điều kiện tiếp đón khách du lịch vào thăm hoặc nghỉ lại. Hiệu quả bước đầu cho thấy: nhiều du khách rất quan tâm đến phương thức du lịch mới này. Hàng năm thu hút hơn 300 ngàn lượt khách tham quan bao gồm cả khách trong nước và quốc tế.

Trong các tuyến du lịch ở Sa Pa tiêu biểu là tuyến du lịch cộng đồng Sa Pa - San Sả Hồ. Tại đây có bản Cát Cát mang những nét đặc trưng về kinh tế, văn hoá của người Mông. Cộng đồng người Mông nơi đây đã được đầu tư sửa sang nhà cửa và các dịch vụ đón khách. Đặc biệt họ được đào tạo tập huấn để đón tiếp du khách một cách chuyên nghiệp hơn. Khi đến với bản làng du khách không chỉ được tham quan lối kiến trúc, tập quán sản xuất, sinh hoạt của đồng bào mà còn được trực tiếp tham gia vào các hoạt động như một thành viên gia đình thực thụ. Chính điều này tạo nên sự hấp dẫn lý thú thu hút khách du lịch.

#### ***\* Du lịch Bản Đôn – Đặc Lắc:***

Bản Đôn là một địa danh nổi tiếng của Việt Nam, cũng được nhiều người trên thế giới biết đến như là một nơi có truyền thống săn bắt và thuần dưỡng voi rừng. Bản Đôn theo tiếng Lào có nghĩa là "Làng Đảo" nghĩa là một ngôi làng được xây dựng trên một ốc đảo của sông Sêrepôk. Đây từng là một trong những điểm giao thương quan trọng của 3 nước Đông Dương ngày xưa trên tuyến đường sông. Người Lào khi ấy, trong lúc ngược dòng sông buôn bán, bắt gặp mảnh đất này đã bị quyến rũ và ở lại cùng người Ê Đê bản địa xây dựng lên ở đây một ngôi làng trù phú đầy bản sắc. Cư dân có sự lai tạp giữa người Ê Đê bản địa và người Nam Lào.

Ở Bản Đôn có rất nhiều thắng cảnh đẹp nằm tập trung như trong các bãi sông, thác Bảy nhánh, du lịch Cầu treo, hồ Đức Minh, nhà sàn cổ, mộ vua voi gần đó là Tháp chàm Yang Prong - Ea Súp. Có vườn quốc gia Yok Đôn nổi tiếng là vườn quốc gia rộng nhất Việt Nam với hệ sinh thái rừng khộp đầy tiềm năng khai thác du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm và đặc biệt là bản sắc dân tộc của các buôn làng với các bên nước còn giữ được các nét nguyên sơ và huyền thoại về Vua Voi.

Dựa trên những giá trị văn hóa như truyền thống săn bắt và thuần dưỡng voi rừng; các di tích, thắng cảnh, lợi thế rừng quốc gia và các món ăn đặc sản rất đặc trưng như thịt rừng nướng, gà nướng Bản Đôn, cơm lam, các món ăn từ các loài cá sông đặc sản như cá lăng, cá mõm trâu với rượu cần, rượu Ama Công. Ngành du lịch ở Bản Đôn hiện tại rất phát triển với các sản phẩm ăn khách như tham quan vườn quốc gia Yok Đôn, mộ Vua Voi, nhà sàn cổ, cầu treo, hội đua voi hoặc cưỡi voi lội qua sông Serepôk, nghe đánh cồng chiêng...

Đến Buôn Đôn là dịp được cưỡi voi leo núi, lội suối, bơi sông; du khách cũng có dịp tham dự nhiều thú vui hấp dẫn chỉ có ở nơi đây: bắn nỏ, nướng cá, uống rượu cần; sống trong những căn nhà đơn sơ, ẩm cúng dựng vắt vẻo trên các cây si cổ. Cảnh sắc thiên nhiên và cuộc sống bình dị nơi đây luôn luôn làm du khách hài lòng với những ngày sáng khoái, thú vị khi mỗi lần tham quan.

Như vậy việc khai thác các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số ở nước ta không còn mới. Tuy nhiên mỗi một dân tộc, mỗi vùng văn hóa đều có những nét đặc sắc riêng. Đặc biệt tại vùng Đông Nam Bộ - một khu vực có sự phát triển nhanh chóng của công nghiệp và đô thị thì việc xây dựng một mô hình làng du lịch văn hóa lịch sử tại làng dân tộc Chơ ro mang nhiều ý nghĩa.

## **CHƯƠNG 2: TIỀM NĂNG VÀ THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TẠI KHU BTTT-VH ĐỒNG NAI VÀ LÀNG DÂN TỘC CHƠ RO**

### **2.1. Tiềm năng và thực trạng hoạt động du lịch tại Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai**

#### ***2.1.1. Tiềm năng du lịch tại Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai***

##### ***2.1.1.1. Giới thiệu khái quát về Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai***

Khu Bảo tồn thiên nhiên – văn hóa Đồng Nai (KBT) được thành lập trên cơ sở đổi tên Khu bảo tồn thiên nhiên và di tích Vĩnh Cửu theo Quyết định số 2208 ngày 27/8/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai. KBT có quy mô diện tích khoảng 100.303,3 ha thuộc địa bàn các huyện Vĩnh Cửu, Định Quán, Tân Phú, Trảng Bom và Thống Nhất. Đây là một trong những KBT có tài nguyên động thực vật rừng đa dạng, phong phú, trong đó có nhiều loài động thực vật quý hiếm, đặc hữu. KBT giữ vai trò rất quan trọng trong công tác bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường, điều hòa nguồn nước cho thủy điện Trị An, chống xói lở, bảo vệ đất, khu dân cư sống ven khu rừng.

Khu bảo tồn thiên nhiên – văn hóa Đồng Nai còn là nơi lưu giữ những di tích có giá trị to lớn về lịch sử và nhân văn, bao gồm: di tích TW Cục Miền Nam và Chiến khu D,... nơi đây còn là địa bàn cư trú của đồng bào Chơ ro với nét văn hóa truyền thống đặc sắc.

##### ***2.1.1.2. Tiềm năng phát triển du lịch tại Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai***

###### ***a. Tiềm năng về tự nhiên***

*Về thực vật:* Đã phát hiện và định danh được 1.401 loài, trong đó có 10 loài nằm trong danh sách các loài nguy cấp, quý hiếm; 28 loài có tên trong Sách đỏ thực vật Việt Nam.

*Về động vật:* Đã điều tra và định danh được 1.729 loài, 238 họ và 51 bộ, trong đó có 58 loài nằm trong danh sách các loài nguy cấp, quý hiếm; 73 loài có tên trong Sách Đỏ Việt Nam và 44 loài quý hiếm trong danh lục của IUCN.

*Về cảnh quan thiên nhiên:* Cảnh quan thiên nhiên đẹp, hùng vĩ cũng được xem như là tài nguyên quý cần được gìn giữ và khai thác thông qua các hoạt động du lịch sinh thái. Hồ Trị An có mặt nước rộng, nhấp nhô nhiều đảo lớn nhỏ, nơi đây có cảnh quan đẹp, hữu tình, với các làng bè nuôi cá. Ngoài ra còn có các hồ như: hồ Bà Hào rộng 400 ha, hồ sen 10 ha, hồ Vườn ươm rộng 02 ha, với địa thế rừng và hồ liền kề. Công viên đá, thuộc Khu bảo tồn với diện tích khoảng 160 ha, cách Nhà máy Thủy điện Trị An 10 km, có cảnh quan thiên nhiên kỳ thú, các bãi đá liên kết cạnh nhau, có suối Linh uốn lượn và quanh năm có nước, tạo thành một quần thể đá tự nhiên có nhiều hình thù lạ mắt hấp dẫn với dòng suối mát trong, phong cảnh hữu tình.

#### *b. Tiềm năng về kinh tế - xã hội*

Khu BTTN-VH Đồng Nai nằm trong khu vực Đông Nam Bộ - nơi có nền kinh tế phát triển năng động, dân cư tập trung đông đúc. Vì vậy mà các hoạt động du lịch cũng diễn ra hết sức sôi động – đây chính là thị trường khách tiềm năng cho hoạt động du lịch nơi đây. Hơn nữa khu vực Đông Nam Bộ là khu vực có sự phát triển nhanh chóng của hoạt động công nghiệp, quá trình đô thị hóa diễn ra rất với tốc độ nhanh. Điều này cũng ít nhiều làm cho đời sống của người dân trở nên ngột ngạt, vì vậy họ cần những vùng thiên nhiên hoang sơ, trong lành để đến nghỉ ngơi thư giãn. Đây cũng là một điều kiện cho hoạt động du lịch sinh thái nơi đây phát triển trong tương lai gần.

Một điều kiện hết sức quan trọng trong phát triển du lịch đó là nguồn nhân lực. Tại vùng Đông Nam Bộ tập trung nhiều trường đại học, cao đẳng, trung học

chuyên nghiệp, nơi đào tạo ra một số lượng lớn lao động có trình độ cao đáp ứng cho các hoạt động kinh tế xã hội nói chung trong đó có du lịch.

Khu vực Đông Nam Bộ là một trong những khu vực có nền kinh tế phát triển nhất cả nước, vì vậy việc thu hút các nhà đầu tư, nguồn vốn đầu tư lớn rất thuận lợi. Trong đó có cả các hoạt động đầu tư nước ngoài. Đây là điều kiện hết sức thuận lợi cho các dự án đầu tư du lịch nơi đây được triển khai nhanh chóng.

Hệ thống giao thông vận tải được xây dựng khá hiện đại, các tuyến đường đến với KBTTN-VH Đồng Nai, nhất là tại các điểm du lịch đã được hoàn thiện. Đây là những cơ sở quan trọng góp cho việc phát triển du lịch nơi đây.

### *c. Tiềm năng về lịch sử - văn hóa*

Khu BTTN-VH Đồng Nai là địa chỉ đỏ gắn liền với các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Nơi đây có thể xem là thủ đô kháng chiến ở phía Nam. Từ những căn cứ đóng trong các vùng rừng núi nơi đây, các đồng chí lãnh đạo cùng chiến sĩ cách mạng và nhân dân nơi đây đã làm nên những chiến thắng lẫy lừng, góp phần cùng với quân dân cả nước đánh tan các thế lực ngoại xâm.

Ngày nay khi đất nước hòa hòa bình thống nhất, những địa danh như Chiến khu D, Trung ương Cục Miền Nam đã trở thành những nơi giáo dục lòng yêu nước, tự hào dân tộc đồng thời là điểm đến du lịch hấp dẫn của nhiều du khách tham quan.

Về văn hóa, Khu BTTN-VH Đồng Nai là địa bàn sinh sống của của nhiều đồng bào anh em, đó là người Kinh, người Hoa, người Chơ ro... Sự đa dạng và pha trộn văn hóa đó tạo cho nơi đây những nét độc đáo riêng. Trong đó dân tộc Chơ ro là một dân tộc sinh sống lâu đời nơi đây với những phong tục tập quán truyền thống đặc sắc có giá trị lớn cho hoạt động du lịch. Không những vậy trong thời kì kháng chiến bà con đồng bào là một lực lượng vô cùng quan trọng, có đóng góp to lớn trong việc nuôi dưỡng cán bộ, chiến sĩ trong môi trường núi rừng gian khổ. Những kỉ niệm, kỉ vật, những củ khoai, củ sắn và những món ăn từ rau rừng nuôi bộ đội xưa kia nay lại trở thành những món ăn đặc sản phục vụ khách du lịch khi đến tham quan nơi đây.

### ***2.1.2. Thực trạng hoạt động du lịch tại Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai***

#### ***2.1.2.1. Giới thiệu về các dự án phát triển tại khu bảo tồn***

Vừa qua, UBND tỉnh đã xem xét dự án quy hoạch tổng thể khu bảo tồn thiên nhiên – văn hóa Đồng Nai giai đoạn 2011 – 2020. Đây là dự án khá đặc biệt không chỉ có ý nghĩa về mặt bảo vệ đa dạng tài nguyên thiên nhiên mà còn có ý nghĩa về mặt nhân văn. Chính vì vậy, việc lập, xây dựng và triển khai dự án sẽ có vai trò rất quan trọng không chỉ giúp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, các giá trị văn hóa - lịch sử, thông qua đó còn góp phần đẩy mạnh các hoạt động du lịch phát triển, nâng cao đời sống của nhân dân.

Theo dự án, mục tiêu chung của KBT là quy hoạch theo hướng quản lý bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên rừng, gia tăng độ che phủ rừng, giảm sức ép lên công tác quản lý bảo vệ tài nguyên rừng, ổn định dân cư, nâng cao mức sống người dân thông qua các đề án phát triển du lịch sinh thái, lịch sử và văn hóa. Tổng vốn đầu tư cho dự án trong 10 năm vào khoảng 266,4 tỷ đồng và được chia thành nhiều hạng mục.

Trong quy hoạch của dự án phát triển của Khu BTTN-VH Đồng Nai việc chú ý đầu tiên là quan tâm tới các vấn đề bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn các giá trị văn hóa lịch sử truyền thống tại các di tích lịch sử và cộng đồng dân sở tại, đề cập đến công tác phát triển du lịch.

Để thực hiện từng hạng mục của dự án trong 10 năm (2011 – 2020), dự án sẽ chia ra từng phân khu với các chức năng, nhiệm vụ khác nhau như: Bảo tồn nguyên vẹn hệ sinh thái rừng tự nhiên đặc trưng của khu bảo tồn và đặc trưng cho vùng lưu vực sông Đồng Nai và của miền Đông Nam Bộ; Xây dựng, tôn tạo bảo tồn những di tích vật thể và phi vật thể của các căn cứ cách mạng trong Khu bảo tồn nhằm bảo tồn các giá trị văn hóa – lịch sử, qua đó phục vụ giáo dục truyền thống, đó còn là các điểm du lịch về nguồn, gắn kết các yếu tố văn hóa – lịch sử; Phát triển các khu vườn cây ăn trái chất lượng cao kết hợp phát triển du lịch sinh thái; Phục hồi các trạng thái rừng, thảm thực vật rừng, nhất là các loài



cây trong họ Dầu trải qua thời gian dài bị khai thác kiệt; Tăng cường bảo vệ cho các hoạt động của các loài thú lớn, bảo đảm an toàn cho các hoạt động kiếm ăn của các loài động vật rừng; Bảo vệ, phục hồi, tái tạo nguồn lợi thủy sản, bảo vệ các hệ sinh thái thủy sinh và sự đa dạng sinh học tại vùng nước nội địa hồ Trị An; Ổn định tình hình dân sinh, phát huy tiềm năng sử dụng tài nguyên rừng và đất rừng phù hợp theo quy chế quản lý rừng, góp phần ổn định cuộc sống của người dân trong vùng...



***Dự án  
Trung  
tâm  
sinh  
thái -  
văn  
hóa -  
lịch sử  
chiến  
khu D***

Ngoài việc phân chia các phân khu để thực hiện, theo ông Trần Văn Mùi - Giám đốc KBT cho biết, theo quy hoạch của dự án, KBT sẽ xây dựng 5 cổng chào tại các vị trí: cổng trạm cửa rừng Mã Đà; trạm cửa rừng trạm suối Kop; trạm cửa rừng trạm suối Trau; trạm cửa rừng Rang Rang; trạm cửa rừng Đá Dựng. Bên cạnh đó các dự án phát triển du lịch cũng được quan tâm đầu tư khai

thác thể hiện qua việc thành lập trung tâm điều hành về du lịch sinh thái nhằm thúc đẩy và phát triển hoạt động du lịch nơi đây.

Rõ ràng, việc lập quy hoạch tổng thể KBT sẽ là cơ sở lâu dài để triển khai thực hiện từng hạng mục của dự án, trong đó có các dự án về du lịch. Song trước mắt các cơ quan chức năng và các địa phương liên quan cần phối hợp chặt chẽ để xây dựng các giải pháp trồng rừng bổ sung nhằm làm giàu vốn rừng. Đồng thời, việc xây dựng phương án dịch chuyển số dân cư hiện đang sống trong vùng đệm của KBT cần quan tâm tính toán, cân nhắc nhằm bảo đảm ổn định đời sống, việc làm, an sinh xã hội, phúc lợi cho người dân vì đa số đều thuộc hộ nghèo.

#### *2.1.2.2. Thực trạng về kinh doanh du lịch và hệ thống cơ sở lưu trú*

Trong những năm lãnh đạo Khu Bảo tồn đã tập trung chỉ đạo, điều hành và đầu tư nguồn vốn nhằm khai thác tiềm năng du lịch, từ những cố gắng nỗ lực đó trong thời gian qua đã có sự chuyển biến rõ nét, lượng khách tham quan Khu Bảo tồn trong năm 2011 là 13.740 lượt khách và địa chỉ của Khu Bảo tồn hiện được nhiều công ty lữ hành, các tổ chức chính trị - xã hội và du khách biết đến, đặc biệt sau sự kiện Khu Bảo tồn và Vườn Quốc gia Cát Tiên đã được UNESCO công nhận là Khu Dự Trữ sinh quyển thế giới Đồng Nai vào cuối tháng 6 năm 2011. Công tác xúc tiến quảng bá trên các kênh truyền hình Trung ương và địa phương đến quay phim nhằm giới thiệu quảng bá tiềm năng du lịch của Khu Bảo tồn như: VTV3, HTV7, HTV9, SCTV12, VTV4, Đài truyền hình tỉnh Vĩnh Long, Trung tâm Xúc tiến du lịch Đồng Nai... Cử viên chức tham gia Ngày hội du lịch TP.HCM năm 2011 và Hội chợ du lịch quốc tế (ITE) năm 2011 tại TP.HCM thông qua hội chợ giới thiệu tiềm năng du lịch tại Khu Bảo tồn cho các công ty du lịch và du khách đến tham gia hội chợ.

#### **\* Về cơ sở lưu trú:**

Hiện tại Khu Bảo tồn có 33 phòng nghỉ các loại và 4 trạm kiểm lâm có thể đón tiếp du khách cụ thể như sau:

+ Nhà khách Mã Đà 24 phòng

- + Khu Sinh thái hồ Bà Hào: 09 phòng
- + Trạm kiểm lâm: Bầu Điền, Suối Trau, Rang Rang

**\* Về trang thiết bị:**

- + Nhà bạt: 72 cái các loại
- + Giường xếp Duy lợi: 130 cái
- + Xe đạp neo núi: 20 cái
- + Xe ô tô các loại: 07 xe các loại: 05 – 07 chỗ ngồi, 01 xe 24 chỗ

**\* Dịch vụ ăn uống:**

Dịch vụ ăn uống tại Khu Bảo tồn hiện nay có thể đáp ứng và phục vụ đoàn khách từ 500 - 1.000 khách nội địa, 50-100 khách quốc tế

**\* Các dịch vụ**

- + Như quay phim, chụp hình lưu niệm
- + Du thuyền tham quan hồ Trị An và hồ Bà Hào: 05 Cano chở 04 khách/1cano, 03 thuyền chở 10 – 15 người/thuyền
- + Cung cấp hệ thống âm thanh, ánh sáng
- + Múa hát cồng chiêng của đồng bào dân tộc Choro
- + Tổ chức hội nghị, hội thảo, hội trại truyền thống

**\* Các tuyến du lịch trong KBT**

**Tour du lịch:** Nhà máy thủy điện Trị An – làng nuôi Hươu, Nai Hiếu Liêm – địa đạo Suối Linh – công viên Đá.

**Tour du lịch:** Di tích căn cứ Khu ủy miền Đông – Di tích căn cứ Trung ương Cục miền Nam.

**Tour du lịch:** Trung tâm Sinh thái – Văn hóa – Lịch sử Chiến khu Đ – làng dân tộc Choro – Thác Ràng – đi Cát Tiên.

**Tour du lịch:** Trung tâm Sinh thái – Văn hóa – Lịch sử Chiến khu Đ – Đảo Ó – Đồng Trường – làng cá bè La Ngà.

**Tour du lịch:** Xem thú ban đêm tại Bầu Sắn, Trảng Mìn.

*2.1.2.3. Đánh giá tổng quan các dịch vụ du lịch tại Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai*

- KBTTN-VH Đồng Nai là một trong những nơi có tiềm năng lớn trong du lịch, nhất là du lịch sinh thái, văn hóa lịch sử. Việc phát triển hoạt động du lịch nơi đây mang lại ý nghĩa lớn nhiều mặt.

- Hiện tại các hoạt động kinh doanh và phục vụ du lịch tại KBTTN-VH Đồng Nai đã được quan tâm phát triển tại các điểm tham quan du lịch. Cơ sở hạ tầng đã được xây dựng tốt như hệ thống các khách sạn, nhà nghỉ, nhất là hệ thống giao thông. Trung tâm sinh thái – văn hóa đã có bộ phận chuyên trách về du lịch. Tuy nhiên do mới đi vào hoạt động, đội ngũ nhân viên còn thiếu và chưa có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động du lịch.

- Tuy nhiên so với những thế mạnh về du lịch của vùng thì hiện tại vẫn còn nhiều tiềm năng chưa khai thác. Do chưa tạo được những sản phẩm du lịch hấp dẫn để có thể thu hút nhiều khách du lịch đến tham quan. Đối tượng khách hiện tại chủ yếu là các đoàn cán bộ các ban ngành, cựu chiến binh, các đoàn khách trong ngành lâm nghiệp các tỉnh bạn và sinh viên một số trường văn hóa trên địa bàn Đông Nam Bộ. Bên cạnh đó thời gian lưu trú và mức độ chi tiêu của khách vẫn còn thấp. Theo anh Nguyễn Văn Hà – cán bộ phòng văn hóa và du lịch sinh thái thì hầu hết khách du lịch đến với khu bảo tồn có thời gian trong ngày, tỷ lệ khách lưu trú còn ít. Đặc biệt thì mức độ chi tiêu của khách không cao trung bình khoảng 100 ngàn đồng/khách. Do vậy mà doanh thu của du lịch nơi đây cũng không lớn.

- Nhìn chung các dịch vụ và hoạt động du lịch nơi đây đã bước đầu được hình thành. Tuy nhiên chất lượng chưa cao, đặc biệt các sản phẩm du lịch chưa tạo nên dấu ấn riêng, khác biệt đối với du khách khi đến du lịch. Đây là điều cần quan tâm trong thời gian tới để góp phần thu hút khách đến với Khu bảo tồn, giữ chân du khách ở lại lâu hơn với các hoạt động hấp dẫn hơn.

## **2.2. Đánh giá tiềm năng và thực trạng hoạt động du lịch tại làng dân tộc Chơ ro**

### ***2.2.1. Giới thiệu khái quát về dân tộc Chơ ro thuộc ấp Lý Lịch 1 xã Phú Lý huyện Vĩnh Cửu***

“Tên tự gọi của dân tộc là Chrau - Jro, trong đó Chrau có nghĩa là *Người* hay *Nhóm người, Tập đoàn người*, còn Jro là một danh từ riêng chỉ cộng đồng của họ”[2]. Họ còn được gọi bằng các danh từ có âm gần như vậy: Chơ ro, Châu ro, Chro, Chrau, Jơ ro, Dơ ro... hay bằng một danh từ phẩm chỉ: người Thượng. Trong các tài liệu, sách báo từ sau năm 1975, tộc danh Chơ ro được sử dụng chính thức.

Người Chơ ro là lớp cư dân cư trú từ xa xưa ở miền núi Nam Đông Dương, nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ Me thuộc chi miền núi phía Nam. Trước khi có mặt trên những địa bàn cư trú hiện nay, người Chơ ro phân bố chủ yếu ở vùng đồi núi thấp, nằm về phía Đông Nam của tỉnh Đồng Nai.

Nhiều người dân Chơ ro cao tuổi cho biết, xưa kia, cha ông họ kể lại rằng tổ tiên của người Chơ ro ở vùng đất thuộc thành phố Biên Hoà ngày nay. Theo Già làng và những người dân ở ấp Lý Lịch 1, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu thì địa bàn cư trú xưa kia của người Chơ ro là khu vực ngã ba Bà Hào huyện Vĩnh Cửu. Một truyền thuyết liên quan đến quá trình tộc người của người Chơ ro kể lại: “Từ hồi xa xưa, có hai vợ chồng nhà nọ sinh được 3 cô con gái. Không may, một thời gian ngắn sau khi sinh con, cả hai vợ chồng cùng mất đi. 3 cô con gái trở thành mồ côi cha mẹ, tự lo kiếm sống qua ngày. Do phải tự lo cho bản thân nên 3 cô con gái lạc nhau, mỗi người đi một nơi, làm ăn sinh sống và xây dựng gia đình, sinh con đẻ cái ở đó. Một người đến Gia Rai, một người đến Bình Lộc và một người ở Túc Trung. Theo tiếng người Chơ ro, đó là 3 vùng *Pôprung*, *Pôptoi* và *Pôplau*”.

Người dân Chơ ro xưa kia không sống tập trung trong ấp và xã như bây giờ. *Pôprung* được tính từ suối Tambung quay ngược xuống Túc Trung. *Pôptoi* là khu vực ấp Lý Lịch, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu ngày nay. *Pôplau* là vùng đất từ Bảo Chánh tới Gia Huỳnh, Trảng Táo. ở *Pôplau* có con suối Chọc Lau nằm trên núi Chứa Chan.

**2.2.2. Đánh giá tiềm năng phát triển du lịch tại làng dân tộc Chơ ro thuộc ấp Lý Lịch 1 xã Phú Lý huyện Vĩnh Cửu**

### *2.2.2.1. Tiềm năng phát triển du lịch tại làng dân tộc Chơ ro thuộc ấp Lý Lịch 1 xã Phú Lý huyện Vĩnh Cửu*

Làng Chơ ro thuộc ấp Lý Lịch 1 xã Phú Lý huyện Vĩnh Cửu, cách thị trấn Vĩnh An 30 km và cách thành phố Biên Hòa khoảng trên 70 km. Đây là địa bàn sinh sống của đồng bào dân tộc Chơ ro trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu. Là một trong những dân tộc sinh sống lâu đời tại khu vực Đông Nam Bộ, đồng bào Chơ ro có một kho tàng văn hóa dân gian đặc sắc gắn với cuộc sống sinh hoạt trong núi rừng xa xưa, đặc biệt người dân nơi đây gắn liền với các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của đất nước. Cùng với các đồng chí lãnh đạo của Đảng và các chiến sĩ bộ đội giải phóng đấu tranh kiên cường chống lại ách xâm lược.

Hiện nay đồng bào Chơ ro về sống tập trung tại ấp Lý Lịch 1 xã Phú Lý huyện Vĩnh Cửu. Tổng số hộ người Chơ ro tại đây là 147 hộ với 527 nhân khẩu. Với cơ cấu dân số theo độ tuổi như sau: dưới 18 tuổi khoảng 150 người (28,4%), độ tuổi từ 18 tuổi đến 60 tuổi khoảng 307 người (58,2%) và số người trên 60 tuổi gần 70 người (13,4%) [1]. Hiện nay số người cao tuổi trong làng khá nhiều, đây là lợi thế rất lớn khi họ chính là những người hiểu rõ nhất các phong tục tập quán cổ truyền của dân tộc mình. Nhưng đây cũng là một thách thức phải tiến hành các hoạt động nhằm bảo tồn tốt các giá trị văn hóa, khi thế hệ này ngày càng già yếu.

Hiện tại cuộc sống có nhiều thay đổi nhưng họ vẫn giữ được nét đẹp của phong tục truyền thống như các lễ hội, kiến trúc nhà ở và ẩm thực... Đây là một nét hấp dẫn thu hút du khách tìm hiểu khám phá.

Căn cứ vào các tiêu chí để có thể cấu thành một làng du lịch văn hóa – lịch sử, làng dân tộc Chơ ro có những nét đặc sắc hấp dẫn thể hiện qua các mặt sau đây:

*a. Có các cảnh quan thiên nhiên và môi trường sạch đẹp, có sắc thái tộc người*

Hiện tại đồng bào dân tộc Chơ ro sinh sống tập trung tại ấp Lý Lịch 1 xã Phú Lý. Đồng bào sinh sống tập trung trên một vùng bìa rừng cạnh con suối Sa

Mách. Nơi đây tương đối biệt lập với các vùng xung quanh, và phong cảnh còn giữ nét hoang sơ của mảng rừng bao quanh. Làng đã được quy hoạch xây dựng tương đối tốt về cơ sở hạ tầng như đường nhựa hóa, hệ thống điện, nước đã được xây dựng khang trang. Nhưng vẫn giữ được sắc thái riêng của dân tộc Chơ ro.

Hiện tại các nương rẫy đã được trồng các cây ăn quả và cây công nghiệp như điều, xoài... tuy nhiên tập quán sản xuất vẫn còn khá thô sơ giống như trước đây ở trong rừng. Điều này sẽ rất hấp dẫn đối với khách du lịch.

Môi trường cư trú của dân làng đảm bảo được các yêu cầu về sạch, hợp vệ sinh (có nguồn nước sạch, chuồng trại gia súc làm xa nhà, tại Nhà Dài – nơi đón tiếp du khách đã có công trình vệ sinh sạch sẽ...). Cuộc sống khá thanh bình yên ả so với sự phát triển nhanh chóng của xã hội bên ngoài.

*b. Có các di sản văn hoá phong phú và mang tính độc đáo, hấp dẫn đối với du khách*

- Về di sản văn hoá vật thể của người Chơ ro rất đặc sắc. Trước hết đó là kiến trúc nhà cửa. Người Chơ ro theo chế độ mẫu hệ, mỗi khi các con lập gia đình thì ngôi nhà lại được nối thêm một gian, và cứ như vậy ngôi nhà cứ dài ra theo năm tháng, nên còn gọi là Nhà Dài. Hiện tại ở ấp Lý Lịch, cùng với sự đầu tư của khu BTTN-VH Đồng Nai và người dân trong làng, một ngôi Nhà Dài khang trang đã được xây dựng tại trung tâm của làng. Đây là nơi sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng chung cho cả làng. Có thể nói Nhà Dài không chỉ là một bảo tàng lưu giữ, các dụng cụ sinh hoạt dân gian như cồng chiêng, cây nêu, dụng cụ săn bắn, hái lượm... mà còn là “bảo tàng sống” nơi tổ chức các hoạt động văn hóa, tín ngưỡng cộng đồng cho người dân. Đồng thời còn là nơi biểu diễn và đón, phục vụ khách du lịch đến tham quan, nghỉ ngơi lưu trú...



*Nhà Dài Chơ ro*

Tiếp đến là các dụng cụ thủ công truyền thống. Có thể nói trong cuộc sống hiện đại thì những sản phẩm như gùi, giỏ tre, cung, nỏ... là những sản phẩm thủ công được nhiều du khách quan tâm sưu tầm, hay mua làm kỉ niệm. Hiện tại ở Nhà Dài của đồng bào Chơ ro vẫn sản xuất các dụng cụ này để bán cho du khách tham quan và làm đạo cụ biểu diễn mỗi khi hội hè.



*Trang phục và các nông cụ*

Trang phục truyền thống của người Chơ ro có nhiều nét tương đồng với các đồng bào khác ở Tây Nguyên. Trang phục được họ tự dệt lấy bằng các vật liệu có sẵn trong thiên nhiên gọi là thổ cẩm. Các chi tiết hoa văn mộc mạc, đơn



giản nhưng không kém phần đặc sắc. Đây cũng là sản phẩm được nhiều du khách ưa thích.

- Di sản văn hoá phi vật thể cũng khá đặc sắc. Người Chơ ro tin mọi vật đều có linh hồn và tin vào sự chi phối con người của các thần linh. Đó chính là nguyên nhân của các kiêng kỵ và các lễ cúng tế. Người Chơ ro quan niệm rằng có hai thế giới tồn tại. Thế giới thứ nhất là cuộc sống của con người, là vạn vật trên trái đất mà họ cảm nhận được. Thế giới thứ hai là thế giới của những lực lượng siêu tự nhiên, của ma quỷ, của các vị thần... Chính thế giới thứ hai mới thiêng liêng và quyết định cuộc sống loài người.

Trước đây hoạt động kinh tế chủ yếu của người Chơ ro là nông nghiệp với nghề chính là trồng lúa và khai thác nguồn lợi tự nhiên. Phương thức sản xuất thấp, lạc hậu, phụ thuộc vào môi trường tự nhiên nên người dân tin vào sự giúp đỡ của thần linh. Người Chơ ro có tín ngưỡng đa thần: thần lúa (yang va), thần rừng (yang bri), thần suối (yang dal), thần rẫy (yang re), thần ruộng (yang mơ)... Trong đó quan trọng nhất là thần lúa và thần rừng. Vì vậy hàng năm họ đều tổ chức các lễ cúng thần linh. Nhất là dịp khi họ xuống mùa, gọi là lễ cúng thần lúa (yang va) được tổ chức vào dịp trung tuần tháng 3 âm lịch. Đây là một lễ hội lớn của cả đồng bào với nhiều sinh hoạt lễ, hội đặc sắc. Đây là một hoạt động thu hút nhiều người dân và du khách lân cận đến tham quan.



*Lễ hội công chiêng Chơ ro*

Đặc biệt là ẩm thực của người Chơ ro tại đây rất ngon và độc đáo. Trong các dịp lễ hội hay khi thiết đãi khách quý, họ thường làm các món ăn như: thịt nướng xiên, thịt trộn sốt mây và rau nhíp nướng, cơm lam, bánh giày và khoai chup...cùng với rượu cần. Đây không chỉ là những món ăn rất ngon mà một số món như khoai chup còn gợi lại thời kì gian khổ ở trong rừng sâu nuôi bộ đội của đồng bào trước kia.



*Ẩm thực Chơ ro*

*c. Khả năng khai thác các nguồn lực tài nguyên du lịch văn hoá phục vụ các hoạt động du lịch tại làng Chơ ro*

- Hiện nay cùng với các hoạt động lễ hội truyền thống, tại Nhà Dài của làng Chơ ro đã xây dựng được một cơ ngơi khá khang trang về cơ sở vật chất để phục vụ cho các hoạt động sinh hoạt tập thể và phục vụ khách du lịch. Đó là khu sân rộng để có thể sinh hoạt lửa trại và các sinh hoạt ngoài trời, bảo vệ và phát triển khu rừng xung quanh để tạo không gian xanh. Đặc biệt đã xây dựng được một đội công chiêng, văn nghệ để có thể phục vụ du khách. Có một đội tổ chức sản xuất các hàng thủ công truyền thống như gùi, nỏ, cung và ủ rượu cần, một đội phục vụ ăn uống ngay tại Nhà Dài...mặc dù chưa thực sự chuyên nghiệp.

- Về cơ sở lưu trú và ăn uống và lưu trú hiện tại nơi đây bước đầu cũng có thể đón tiếp du khách. Cơ sở lưu trú bao gồm có các cơ sở vật chất tại Nhà Dài như chiếu, võng, công trình vệ sinh... với sức chứa có thể lên tới 25 - 30 người, ngoài ra một vài nhà dân cũng có thể đón tiếp khách lưu trú. Hệ thống rừng xung quanh Nhà Dài cũng có thể là khu vực cắm trại khá tốt.

Riêng về dịch vụ ăn uống thì nơi đây chưa có một nhà hàng riêng, hoạt động phục vụ du khách hiện nay được tổ chức ngay tại Nhà Dài cả về nấu nướng và nơi tổ chức ăn uống. Nhưng tại làng đã bước đầu hình thành một đội nấu bếp để phục vụ khách khi cần.

Hiện tại các hoạt động tham quan ở làng Chơ ro của du khách chỉ mới được tiến hành tại Nhà Dài, chưa xây dựng được các dịch vụ khác, các tuyến du lịch trong làng chưa được xây dựng. Quầy hàng lưu niệm còn khá đơn giản, các sản phẩm chưa nhiều, chưa thực sự đẹp để phục vụ và cuốn hút khách du lịch.

#### *d. Khả năng liên kết các chương trình du lịch để tạo thị trường khách*

Nhìn chung các chương trình du lịch tại làng Chơ ro khá đặc sắc với các nội dung rất hấp dẫn như múa hát công chiêng, tham gia thưởng thức ẩm thực, rượu cần, cắm trại và nghiên cứu tìm hiểu cuộc sống của cộng đồng bản địa. Các chương trình du lịch này được kết hợp cùng với các chương trình tham quan Khu BTTN-VH Đồng Nai như: Hồ Trị An, Chiến khu D, TƯ Cục Miền Nam... và cả Vườn quốc gia Cát Tiên. Nơi đây còn có thể kết hợp với các hoạt động du lịch mạo hiểm, du lịch thể thao, du lịch sinh thái... Nếu đầu tư xây dựng bài bản hơn sẽ là một sản phẩm du lịch lôi cuốn khách du lịch khi đến với Chiến khu D, TƯ Cục Miền Nam và Khu BTTN-VH Đồng Nai.

#### *2.2.2.2. Thăm dò ý kiến của khách du lịch đối với việc xây dựng làng du lịch văn hóa - lịch sử tại làng dân tộc Chơ ro*

Trong những năm qua cùng với công tác phục dựng, phát triển khu di tích lịch sử Chiến khu D và Trung ương cục Miền Nam trở thành điểm tham quan và giáo dục và phong cảnh thiên nhiên tươi đẹp tại KBTTT-VH Đồng Nai, ngày có càng nhiều du khách đến tham quan, tìm hiểu nghiên cứu. Theo anh Hà thuộc trung tâm sinh thái của KBTTN-VH Đồng Nai thì khách du lịch hiện tại chưa nhiều và chủ yếu là đi tham quan trong ngày. Đối tượng khách chủ yếu là các cựu chiến binh, các đoàn cán bộ lãnh đạo và học sinh sinh viên các trường đại học và cao đẳng... có cả khách du lịch quốc tế nhưng chưa nhiều.

Trong thời gian khảo sát nghiên cứu đề tài tác giả chỉ điều tra được khách du lịch nội địa vì không gặp khách quốc tế đến tham quan. Kết quả điều tra với 75 khách du lịch thu được như sau:

Phần lớn các đoàn khách đến tham quan tại KBTTN-VH Đồng Nai bằng hình thức tự tổ chức theo dạng gia đình, nhóm bạn (64%), còn lại là đi các đơn vị du lịch tổ chức (36%). Số lượng thành viên trong đoàn không lớn, thường từ 10 – 15 người. Họ đến từ Đồng Nai (33,3%), Thành phố Hồ Chí Minh (32,1%), Bình Dương (18,6%), còn lại các địa phương khác (16%) [phụ lục 1].

Khi điều tra về mục đích của du khách khi đến với KBTTN-VH Đồng Nai tham quan du lịch (có thể nhiều mục đích) là: thăm viếng các di tích lịch sử đặc sắc (34,6%), tham quan phong cảnh thiên nhiên hoang sơ (30,6%), tìm hiểu văn hóa cộng đồng (17,3%), câu cá giải trí tại hồ Trị An (14,6%)...[phụ lục 1]. Như vậy du khách tìm đến với KBTTN-VH Đồng Nai chủ yếu nhằm mục đích thăm viếng các di tích lịch sử đặc sắc, tham quan phong cảnh thiên nhiên hoang sơ. Đây là những đối tượng khách từ các thành phố, khu công nghiệp, các trường đại học, cao đẳng ở thành phố. Họ sống trong môi trường đô thị đông đúc và phát triển nhanh chóng của vùng Đông Nam Bộ. Đây sẽ là thị trường khách hết sức tiềm năng cho du lịch tại KBTTN-VH Đồng Nai nói chung và làng du lịch Chơ ro nói riêng.

Khi được hỏi về thời gian du lịch tại KBTTN-VH Đồng Nai họ thường ở lại dưới 1 ngày (60%), từ 1 đến 2 ngày (29,3%) và từ 2 đến 3 ngày (10,7%). Không có đối tượng khách nào trả lời ở lại trên 3 ngày [phụ lục 2]. Những vị khách ở lại trên một ngày thường với lý do học tập, nghiên cứu. Điều này phản ánh một thực tế hiện nay tại KBTTN-VH Đồng Nai chưa có nhiều các hoạt động dịch vụ du lịch để giữ chân du khách lại lâu hơn. Do vậy việc xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch đa dạng, đặc sắc, trong đó có việc xây dựng và phát triển loại hình du lịch cộng đồng tại ấp Chơ ro là một yêu cầu rất cần thiết.

Nơi lưu trú của du khách khi đến KBTTN-VH Đồng Nai thời gian trên 1 ngày (có thể nhiều hình thức lưu trú) họ chọn nhà khách của khu bảo tồn

(42,6%), tiếp đến là nhà nghỉ ở gần khu bảo tồn (32%). Bên cạnh đó có (13,3%) du khách trả lời ở tại nhà dân xung quanh khu bảo tồn và 4% ở lều trại [phụ lục 1]. Thông tin về đa số khách lưu trú đều ở tại nhà khách khu bảo tồn, gần khu bảo tồn hay nhà dân thì có thể chính xác, nhưng con số 4% ở tại lều trại ở đây thì chủ yếu tại địa điểm quanh nhà Dài Chơ ro và đối tượng khách là các đoàn sinh viên các trường đại học, cao đẳng.

Về điều kiện ăn uống của du khách khi đến KBTTN-VH Đồng Nai (có thể ăn ở nhiều nơi) chủ yếu do bộ phận dịch vụ của khu bảo tồn cung cấp (50,6%), tự mang theo thức ăn (32%), ăn tại quán ăn, nhà hàng gần khu bảo tồn (22,6%), ăn tại nhà Dài với các món ăn Chơ ro (20%), ăn tại các nhà dân khác (9,3%) [phụ lục 1]. Như vậy về ăn uống lượng khách chọn ăn uống tại nhà Dài Chơ ro không lớn, chủ yếu là do thông tin chưa đầy đủ nên du khách chưa biết. Vì khi trực tiếp phỏng vấn du khách sau khi thưởng thức các món ăn truyền thống Chơ ro họ rất thích thú và cảm thấy muốn thưởng thức nữa.

Mức độ đánh giá của du khách về tài nguyên du lịch tại KBTTN-VH Đồng Nai thể hiện: số du khách đánh giá rất đẹp và hấp dẫn (20%), tương đối đẹp, hấp dẫn (46,6%), bình thường (26,6%), không đẹp, không hấp dẫn (6,8%) [phụ lục 1]. Qua đó chúng thấy rằng hầu hết du khách đến với KBTTN-VH Đồng Nai đều cảm nhận rằng cảnh quan thiên nhiên, văn hóa nơi đây rất đặc sắc. Đó là một tiền đề quan trọng thu hút du khách đến tham quan, và đó cũng là thị trường khách cho làng du lịch văn hóa - lịch sử Chơ ro.

Đặc biệt khi thăm dò ý kiến của du khách về xây dựng mô hình làng du lịch văn hóa – lịch sử Chơ ro tại ấp Lý Lịch 1, tác giả thu được những kết quả sau đây:

- Nhìn chung du khách chưa thực sự có được những thông tin đầy đủ về làng dân tộc Chơ ro trước khi đến tham quan. 14,6% số người được hỏi biết rất rõ, 24 % biết tương đối rõ, 45,3% biết rất ít và 16,1% số người được hỏi không biết thông tin gì về làng dân tộc Chơ ro tại đây [phụ lục 1]. Như vậy có thể nói

làng Chợ ro và những nét văn hóa, ẩm thực đặc sắc đang còn là một bí ẩn đối với du khách.

- Khi tìm hiểu nhu cầu của du khách trong việc khám phá, tìm hiểu về làng Chợ ro kết quả cho thấy: 36% người được hỏi rất muốn tham quan tìm hiểu, 41,3% , 13,3% trả lời bình thường còn lại 9,4% số người được hỏi không muốn tham gia. Như vậy phần lớn du khách đến với KBTTN-VH Đồng Nai đều muốn tìm hiểu khám phá những nét đặc sắc của làng Chợ ro. Bởi vì họ cho rằng tour du lịch sẽ hấp dẫn hơn (69,3%) [phụ lục 1].

Khi khảo sát về mong muốn của những du khách đã đến tham quan tại làng dân tộc Chợ ro trong vấn đề cải thiện các dịch vụ du lịch tại đây, kết quả thu được như sau:

***Bảng 2.1: Những mong muốn cải thiện của du khách từ hoạt động du lịch tại làng Chợ ro***

STT	Các dịch vụ cần cải thiện	Tỷ lệ (%)
1	Các dịch vụ đón khách tại Nhà Dài	49,3
2	Nâng cao chất lượng phục vụ của người dân	37,3
3	Công tác thông tin hướng dẫn, quảng bá	33,3
4	Các chương trình biểu diễn	16,0
5	Đồ lưu niệm	14,6
6	Cơ sở hạ tầng	13,3
7	Ẩm thực	6,6
8	Giá cả ăn uống, lưu trú...	0
9	Các dịch vụ khác	0

*Nguồn: Tác giả điều tra mẫu khách du lịch [phụ lục I]*

*Ghi chú: (Mỗi người có thể có nhiều câu trả lời)*

Thông qua kết quả khảo sát chúng ta có thể thấy rằng, các dịch vụ để đón tiếp du khách tại Nhà Dài được nhiều du khách quan tâm. Bởi thực tế hiện tại các dịch vụ nơi đây vẫn còn thiếu nhiều như: bộ phận đón khách, hướng dẫn, gian hàng trình bày và bán đồ lưu niệm, các dịch vụ giải trí....

Vấn đề thứ hai mà du khách muốn cải thiện nhiều đó là chất lượng phục vụ của người dân. Thực tế hiện tại chưa có hoạt động tập huấn, đào tạo nào cho người dân nơi đây để có thể đón tiếp du khách tốt hơn. Các hoạt động từ trước đến nay hầu hết đều là tự phát. Người dân lấy tình cảm chân thành, sự thật thà chân chất của mình làm “phương tiện nghiệp vụ” để đón tiếp du khách. Điều này ít nhiều thiếu tính chuyên và ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ du lịch nơi đây.

Điều du khách quan tâm và muốn cải thiện thứ ba chính là công tác thông tin hướng dẫn, quảng bá. Điều này thể hiện nhiều vấn đề còn thiếu và yếu trong việc phát triển du lịch nơi đây. Trước hết là công tác thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng như sách báo, hay các biển hiệu chỉ dẫn còn chưa được chú trọng phát triển. Đội ngũ hướng dẫn viên địa phương chưa có, hiện tại là già làng, trưởng ấp phụ trách. Trong thời gian tác giả nghiên cứu tại đây có diễn ra lễ hội cúng Thần Lúa nhưng dọc các tuyến giao thông lân cận không có một thông tin nào giới thiệu cho du khách biết đến. Khi được hỏi về lễ hội này một người dân tại xã Phú Lý nói rằng: “mặc dù chúng tôi ở đây song không biết nhiều về lễ hội của người Chơ ro, mà chỉ nghe nói rằng dịp này đang có lễ hội gì đó thôi...”. Điều này đòi hỏi công tác thông tin quảng bá cần có những cải thiện hơn.

Ngoài ra du khách còn mong muốn cải thiện về chương trình biểu diễn, gian hàng đồ lưu niệm và cải thiện về cơ sở hạ tầng.

#### *2.2.2.3. Thăm dò ý kiến của người dân địa phương đối với việc xây dựng làng du lịch văn hóa - lịch sử tại làng dân tộc Chơ ro*

Trong quá trình phát triển du lịch, một thành phần không thể thiếu và vô cùng quan trọng đó là người dân địa phương – chủ thể của nền văn hóa và các sản phẩm du lịch tại địa phương. Sự tham gia của cộng đồng địa phương vào các hoạt động du lịch là nội dung không thể thiếu trong các hoạt động du lịch sinh thái tại các Vườn quốc gia, khu Bảo tồn thiên nhiên.

Hầu hết người dân Chơ ro tại ấp Lý Lịch 1 sống dựa vào sản xuất nông nghiệp truyền thống (53%), buôn bán nhỏ (10%), làm thuê (37%). Đời sống

nhìn chung còn gặp nhiều khó khăn. Thu nhập bình quân/tháng của mỗi chủ hộ từ 2.000.000 đồng trở lên chỉ chiếm khoảng 1/3 tổng số hộ Chơ ro của ấp. [1]

Thông qua quá trình thăm dò bằng hình thức phỏng vấn trực tiếp với 36 người dân tác giả thu được kết quả như sau:

**Bảng 2.2: Thăm dò ý kiến người dân địa phương về xây dựng mô hình làng du lịch**

STT	Nội dung thăm dò	Trả lời, tỷ lệ (%)			
		Rất muốn	Muốn	Bình thường	Không muốn
1	Ông bà có mong muốn khách du lịch đến tham quan tại bản làng không	19,4 %	47,2 %	25 %	8,4 %
2	Ông bà có biết gì về mô hình làng du lịch không	Biết rõ 5,5 %	Nghe qua 41,6 %		Không biết 52,9 %
3	Ông bà có cho rằng việc phát triển du lịch nơi đây sẽ ảnh hưởng tốt đến bảo tồn văn hóa địa phương	Rất tốt 22,2 %	Tốt 38,8 %	Bình thường 19,4 %	Không tốt 19,6 %
4	Ông bà có cho rằng việc phát triển du lịch nơi đây sẽ ảnh hưởng tốt đến bảo tồn kinh tế địa phương	Rất tốt 30 %	Tốt 34 %	Bình thường 22 %	Không tốt 12 %
5	Nếu mô “hình làng du lịch” được xây dựng ông bà có muốn tham gia vào các hoạt động du lịch không	Rất muốn 21 %	Muốn 40 %	Bình thường 18 %	Không muốn 21%
6	Theo ông bà có nên xây dựng mô hình làng du lịch tại đây không	Rất cần thiết 18 %	Cần thiết 55 %	Bình thường 11 %	Không nên 16 %

*Nguồn: Tác giả điều tra mẫu người dân địa phương*

Khi được hỏi: Nếu “mô hình làng du lịch” được xây dựng ông bà có muốn tham gia vào các hoạt động nào?



**Bảng 2.3: Các hoạt động du lịch mà người dân muốn tham gia**

STT	Hoạt động du lịch mà người dân muốn tham gia	Tỷ lệ %
1	Phục vụ, tham gia lễ hội	61
2	Cung cấp thức ăn đồ uống cho khách	30,1
3	Sản xuất, bán đồ lưu niệm cho khách	11,1
4	Hướng dẫn khách tham quan bản làng	27,7
5	Phục vụ chỗ ở cho khách	13,8

*Nguồn: Tác giả điều tra mẫu người dân địa phương*

*Ghi chú: (Mỗi người có thể lựa chọn nhiều hoạt động)*

#### *2.2.2.4. Thăm dò ý kiến của các cấp quản lý đối với việc xây dựng làng du lịch văn hóa - lịch sử tại làng dân tộc Chơ ro*

Hiện tại các hoạt động du lịch trên địa bàn khu BTTN-VH Đồng Nai nói chung và làng dân tộc Chơ ro nói riêng đều do Ban quản lý khu BTTN-VH Đồng Nai quản lý. Đồng thời các hoạt động hành chính khác lại do chính quyền xã Phú Lý huyện Vĩnh Cửu quản lý. Đây là những cơ quan trực tiếp liên quan tới các hoạt động du lịch của làng Chơ Ro. Trong quá trình làm đề tài nghiên cứu tác giả đã phỏng vấn trực tiếp với các cấp lãnh đạo Khu BTTN-VH Đồng Nai và lãnh đạo địa phương về khả năng xây dựng mô hình làng du lịch văn hóa lịch sử tại làng dân tộc Chơ ro. Kết quả thu được như sau:

- Theo ông Đỗ Bảo Trưởng Ban Dân tộc tỉnh Đồng Nai: điều này rất khả thi, hiện tại chủ trương của tỉnh nhà luôn ủng hộ công tác bảo tồn văn hóa phát triển du lịch tại các làng dân tộc trên địa bàn tỉnh. Đây cũng là một xu thế tất yếu trong phát triển du lịch hiện nay.

- Theo ông Phạm Minh Phước PCT UBND huyện Vĩnh Cửu: Chủ trương của huyện nhà là quan tâm tới các hoạt động bảo tồn văn hóa, phát triển kinh tế cho đồng bào Chơ ro tại đây. Trong các hoạt động đó có việc khôi phục các lễ hội truyền thống của đồng bào và phát triển du lịch cộng đồng.

- Theo ông Huỳnh Văn Tài phó trưởng phòng văn hóa huyện Vĩnh Cửu: Trong thời gian tới cùng với việc khôi phục và phát triển văn hóa cho đồng bào,

chúng tôi đang nghiên cứu để liên kết với các tuyến du lịch khác trên địa bàn huyện để phát triển du lịch nơi đây. Song song với đó là công tác đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ cho bà con dân tộc để có thể đón tiếp du khách.

- Theo ông Trần Viết Hạnh Chủ tịch UBND xã Phú Lý: hiện tại chính quyền xã đã và đang phối hợp cùng với Khu bảo tồn bà con Chơ ro tại ấp Lý Lịch 1 để quản lý các hoạt động văn hóa xã hội trong đó có các hoạt động đón tiếp du khách tham quan. Tổ chức tập huấn và duy trì các đội văn nghệ cộng đồng để có thể phối hợp với các nội dung khác của làng Chơ ro trong hoạt động lễ hội và đón tiếp khách tham quan.

- Theo ông Nguyễn Văn Hà – cán bộ trung tâm sinh thái – văn hóa - lịch sử của khu bảo tồn thì hiện tại việc khai thác liên kết các chương trình du lịch tại đây đang được phòng nghiên cứu phát triển. Trong thời gian tới trung tâm sẽ tích cực liên kết cùng các ban ngành để phát triển hoạt động du lịch trong khu vực khu bảo tồn, trong đó nhấn mạnh đến ba yếu tố là hệ sinh thái, các di tích lịch sử và văn hóa cộng đồng dân tộc Chơ ro.

- Theo già làng Năm Nổi: công tác bảo tồn và gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống là một vấn đề khó khăn hiện nay đối với đồng bào, nhất là thế hệ trẻ. Nếu có hoạt động du lịch nơi đây chưa tính đến những lợi ích kinh tế, thì việc đồng bào được tham gia thường xuyên hơn và điều đó rất tốt cho công tác bảo tồn văn hóa.

Có thể nhận thấy rằng các cấp lãnh đạo tỉnh huyện xã đều có sự quan tâm đặc biệt đến đời sống và sinh hoạt văn hóa truyền thống của đồng bào, trong đó mong muốn xây dựng được các hoạt động du lịch có hiệu quả tại đây. Như vậy việc xây dựng và phát triển hoạt động du lịch tại làng văn hóa lịch sử Chơ Ro nơi đây có ý nghĩa to lớn đa chiều cho đồng bào Chơ ro nói riêng và hoạt động kinh tế - xã hội địa phương nói chung.

### ***2.3. Ý nghĩa của việc phát triển du lịch tại làng văn hóa- lịch sử dân tộc Chơ ro***

#### ***2.3.1. Những lợi ích về kinh tế du lịch***

- Trước hết là về chi phí xây dựng. Nếu chỉ đơn thuần xem mục đích của làng du lịch chỉ là một cơ sở lưu trú, thì lợi ích về kinh tế chúng ta cũng có thể thấy rõ. Trên cơ sở các tài liệu điều tra của các cơ quan quản lý và các cơ sở lưu trú du lịch, vốn đầu tư ban đầu cho các cơ sở lưu trú du lịch được tổng hợp theo chỉ tiêu vốn đầu tư bình quân cho mỗi buồng phòng. Các chỉ tiêu đó cho các cơ sở lưu trú từ 3 sao trở lên là: [3]

+ Cơ sở lưu trú du lịch hạng 5 sao: bình quân đầu tư hơn 1,666 tỷ đồng/buồng.

+ Cơ sở lưu trú du lịch hạng 4 sao: bình quân đầu tư hơn 1,014 tỷ đồng/buồng.

+ Cơ sở lưu trú du lịch hạng 3 sao: bình quân đầu tư hơn 440 triệu đồng/buồng.

Các cơ sở lưu trú khác có hạng thấp hơn thì trung bình cũng phải chi phí từ 1 đến 2 trăm triệu/buồng. (Mức giá đó được tính theo thời giá năm 2006). Như vậy đến thời điểm hiện nay thì chi phí đầu tư đó có thể tăng lên 1,5 lần. Trong khi đó nếu việc cải tạo và xây dựng các cơ sở dịch vụ để có thể đón khách lưu trú tại Nhà Dài và một vài nhà dân thì chi phí sẽ rất thấp. Theo tác giả tính toán, nếu mua sắm các dụng cụ như nệm, mùng, gối... để có thể đón tiếp 30 du khách tại Nhà Dài thì chi phí cũng chỉ khoảng 50 triệu đồng. Việc cải tạo nhà dân bao gồm buồng ngủ, khu vệ sinh... để họ có thể đón tiếp khách du lịch thì chi phí cũng chỉ khoảng 20 - 30 triệu đồng/nhà.

Như vậy nếu trong thời gian tới để đáp ứng số lượng du khách ngày càng tăng tại Khu BTTN-VH Đồng Nai nói chung và làng Chơ ro nói riêng, thì nhu cầu số phòng lưu trú sẽ tăng lên và cần phải xây thêm các cơ sở mới. Nếu việc xây mới một số cơ sở lưu trú để đón tiếp khách du lịch tại Khu BTTN-VH Đồng Nai theo hình thức như nhà nghỉ hay nhà khách thì cũng tốn nhiều chi phí và đất đai. Điều đó sẽ cần một lượng kinh phí lớn gấp nhiều lần việc cải tạo cơ sở sẵn có tại làng Chơ ro, bên cạnh đó còn lãng phí đất đai, cây rừng...

- Thứ hai là lợi ích kinh tế mà du lịch mang lại cho địa phương. Việc xây dựng và phát triển du lịch tại làng Chơ ro sẽ đem lại nguồn lợi lớn cho người dân. Hiện tại các hoạt động tham quan nơi đây hoàn toàn miễn phí và số lượng khách cũng chưa nhiều. Mỗi chương trình biểu diễn văn nghệ, đốt lửa và múa cồng chiêng người dân được trả 500 ngàn đồng, các món ăn cũng rất rẻ với tinh thần mời khách, mến khách là chủ yếu. Đây là số tiền không lớn nhưng nó cũng là động lực cho những người tham gia. Nhưng khi các dự án du lịch tại khu bảo tồn ra đời và thu hút du khách thì nguồn cung về khách du lịch cho địa điểm du lịch này là rất khả quan. Khi đó các hoạt động dịch vụ du lịch củ người dân được tổ chức chuyên nghiệp hơn thì sẽ tạo ra nguồn lợi kinh tế lớn từ các hoạt động biểu diễn văn nghệ, phục vụ ẩm thực , phục vụ lưu trú và cả việc bán đồ lưu niệm hay dẫn khách tham quan.

### *2.3.2. Những lợi ích về văn hóa - xã hội*

- Bảo tồn được các giá trị văn hóa truyền thống một cách bền vững, lâu dài. Trong mô hình xây dựng làng Chơ ro trở thành làng du lịch, một yếu tố cơ bản để thu hút khách du lịch là khôi phục và phát huy các giá trị truyền thống nhằm phục vụ du khách tham quan. Đó là các hoạt động như: các lễ hội mừng mùa, cúng thần, các nghề thủ công truyền thống, trang phục, ẩm thực và kể cả tập quán sinh hoạt sản xuất của đồng bào. Nếu như trước đây các hoạt động này người dân chỉ tiến hành một lần trong năm vào các dịp lễ, nhất là lễ cúng thần lúa và trung tuần tháng 3 âm lịch. Điều này ít nhiều làm cho một số nghi thức bị mai một do ít sử dụng. Nhưng khi hoạt động du lịch được tiến hành nơi đây, những hoạt động truyền thống đó sẽ được tiến hành thường xuyên hơn, và điều đó sẽ tạo cơ hội cho họ được luyện tập nhiều hơn, nhất là thế hệ trẻ. Điều đó sẽ tốt cho việc lưu giữ các giá trị văn hóa truyền thống thông qua biểu diễn du lịch hay nói cách khác đó là du lịch hóa các hoạt động bảo tồn.

- Tạo ra các hoạt động sinh hoạt văn hóa xã hội sâu rộng và lành mạnh trong cả cộng đồng dân cư của vùng. Lôi kéo thanh thiếu niên và các hoạt động tập thể lành mạnh.

- Tạo ra một địa điểm du lịch cho mọi người dân và du khách. Hiện tại những hoạt động du lịch tại Khu BTTN-VH Đồng Nai đang có những bước phát triển. Tuy nhiên trong sản phẩm du lịch của vùng chỉ mới khai thác các giá trị tự nhiên và di tích lịch sử, những giá trị văn hóa to lớn của vùng chưa được khai thác. Vì vậy nếu mô hình làng du lịch văn hóa lịch sử được xây dựng sẽ góp phần làm đa dạng và hấp dẫn hơn cho sản phẩm du lịch của vùng.

- Cùng với Chiến khu D, Trung ương Cục Miền Nam, đây còn là nơi giáo dục tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc. Đồng bào dân tộc Chơ ro tại đây có truyền thống cách mạng, họ đã gắn bó với cách mạng từ thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Đồng bào đã đồng cam cộng khổ cùng với bộ đội giải phóng tạo nên một vùng chiến khu vững chắc tại đây, góp phần to lớn trong cuộc kháng chiến hào hùng của dân tộc. Trong chương trình ẩm thực của người dân Chơ ro phục vụ du khách có những món ăn như: khoai chup, rau nhíp, tàu bay, rau co, đọt mây... còn là những món ăn mà dân làng nuôi bộ đội giải phóng trong các cuộc kháng chiến gian khổ, chống lại sự bao vây cấm vận của địch. Khi thưởng thức các món ăn đó du khách sẽ cảm nhận được sự hi sinh gian khổ của đồng bào cho cách mạng, đồng thời cũng nếm trải được hương vị đặc sản của núi rừng nơi đây.

### *2.3.3. Những lợi ích về môi trường*

- Khi hoạt động du lịch nơi đây được phát triển theo một mô hình làng du lịch tại làng Chơ ro nó không chỉ tạo ra những lợi ích về kinh tế và bảo tồn văn hoá mà còn có tác dụng tốt tới môi trường sinh thái một cách trực tiếp và gián tiếp. Khi các hoạt động du lịch nơi đây phát triển sẽ tạo ra các lợi ích kinh tế cho người dân từ du lịch bằng cách lôi kéo họ vào các hoạt động du lịch, tạo công ăn việc làm cho họ. Điều này không chỉ mang lại các lợi ích kinh tế cho họ mà điều đó sẽ hạn chế những tác động của người dân vào rừng. Khi họ có được các nguồn thu nhập khác từ du lịch thì họ sẽ ít vào rừng để khai thác các nguồn lâm sản.

- Tạo cho người dân có thói quen tốt trong cuộc sống như bảo vệ làng xóm sạch sẽ, nhà cửa gọn gàng, hợp vệ sinh. Khi mô hình làng du lịch được xây dựng thì những tiêu chuẩn về cảnh quan và vệ sinh làng bản sẽ yêu cầu và thôi thúc người dân thực hiện, điều này dần dần tạo thói quen tốt cho người dân trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày.

- Các công trình du lịch và công cộng khác góp phần làm cho bộ mặt làng xóm sạch sẽ, khang trang hơn. Trước hết đó là các công trình công cộng như đường xá, khu vui chơi sinh hoạt cộng đồng và các động tập thể khác của bản làng, Nhà Dài...sẽ làm cho bộ mặt bản làng đẹp hơn. Bên cạnh đó việc đầu tư các công trình để đón khách tại nhà dân địa phương sẽ làm cho nhà cửa của người dân đẹp hơn, sạch hơn, khang trang hơn...

Như vậy có thể nói việc xây dựng và phát triển du lịch tại làng văn hóa lịch sử dân tộc Chơ ro kết hợp với các hoạt động du lịch khác tại Khu BTTN-VH Đồng Nai sẽ là một bước quan trọng trong việc lưu giữ các giá trị văn hóa, lịch sử mà còn tạo ra những lợi ích to lớn khác cho cộng đồng, đó là lợi ích về kinh tế du lịch, lợi ích về môi trường sinh thái.

Theo như ý kiến của ông Đỗ Bảo – trưởng ban dân tộc thì đây là một dự án khả thi và đem lại lợi ích đa chiều. Vấn đề là cần tính toán cụ thể cho từng hạng mục, quy mô và sự phối hợp của các ban ngành liên quan.

### **CHƯƠNG 3: MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TẠI LÀNG VĂN HÓA – LỊCH SỬ DÂN TỘC CHƠ RO - KHU BTTN-VH ĐỒNG NAI**

#### **3.1. Định hướng phát triển du lịch tại làng văn hóa – lịch sử dân tộc Chơ ro - khu BTTN-VH Đồng Nai**

Du lịch tìm hiểu, nghiên cứu văn hóa cộng đồng là một loại hình du lịch dựa vào các nền văn hoá bản địa, nơi đó gắn với một vùng văn hóa, vùng tự nhiên, vì vậy hoạt động du lịch này rất nhạy cảm. Nếu như tổ chức hoạt động tốt, khoa học thì nó mang lại lợi ích vô cùng to lớn cho cả công tác bảo tồn các giá trị văn hóa và đời sống kinh tế - văn hoá của người dân địa phương. Song đề kinh doanh loại hình du lịch này lại là vấn đề không hoàn toàn đơn giản, nếu tổ chức hoạt động không tốt nhiều lúc lại có những ảnh hưởng tiêu cực.

Làng dân tộc Chơ ro tại Khu BTTN-VH Đồng Nai có tiềm năng rất lớn cho phát triển du lịch . Song trong nhiều năm qua nó vẫn chưa có điều kiện phát triển, chưa được đầu tư - nghiên cứu đúng mức. Vì vậy hoạt động du lịch ở đây còn chưa phát triển và chưa có quy hoạch cụ thể chi tiết.

Các nghiên cứu và định hướng phát triển du lịch làng văn hóa lịch sử nơi đây sẽ là tiền đề quan trọng cho việc quy hoạch và tổ chức quản lý du lịch của Khu BTTN-VH Đồng Nai nói chung và làng dân tộc Chơ ro nói riêng về sau. Các định hướng xây dựng mô hình làng du lịch văn hóa lịch sử mà tác giả đưa ra sau đây, được dựa trên cơ sở lý luận về làng du lịch, những kinh nghiệm phát triển loại hình du lịch này trên thế giới và Việt Nam, và quan trọng nhất là dựa trên tiềm năng du lịch và các vấn đề đặt ra trong hoạt động du lịch ở nơi đây.

Cũng như đối với các hoạt động du lịch tại những làng văn hóa khác, việc xây dựng và phát triển mô hình làng du lịch nơi đây cần chú ý đến sự cân bằng giữa 3 mục tiêu cơ bản: Đảm bảo hiệu quả kinh tế du lịch, mục tiêu bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, và mục tiêu phát triển cộng đồng.

Sự phát triển du lịch bền vững được thiết lập trên cơ sở đảm bảo tốt mối quan hệ của hiệu quả kinh tế du lịch, hiệu quả phát triển xã hội và hiệu quả môi trường. Nếu thiếu đi một mắt xích thì chắc chắn du lịch không thể đạt được sự phát triển bền vững. Vì thế, khi quy hoạch và tiến hành tổ chức các hoạt động du lịch cần giải quyết cân bằng 3 mục tiêu trên.

### **3.2. Một số giải pháp bước đầu trong việc phát triển hoạt động du lịch tại làng văn hóa- lịch sử dân tộc Chợ ro - khu BTTN-VH Đồng Nai**

Trên cơ sở phân tích thực trạng phát triển du lịch tại làng dân tộc Chợ ro trong suốt thời gian qua, dựa vào những tiềm năng, lợi thế sẵn có, căn cứ vào những định hướng đã đề ra ở trên, tác giả xin kiến nghị một vài giải pháp cho việc xây dựng và phát triển làng du lịch văn hóa - lịch sử tại làng Chợ ro như sau:

#### **3.2.1. Các giải pháp về cơ chế chính sách**

Kinh nghiệm thực tế trong những năm qua cho thấy vai trò quan trọng của cơ chế chính sách đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung, của ngành kinh tế nói riêng trong đó có du lịch. Để đảm bảo sự phát triển bền vững, trên cơ sở hành lang pháp lý của nhà nước cho phát triển du lịch tại các làng văn hóa, Ban quản lý Khu BTTN-VH Đồng Nai, UBND huyện Vĩnh Cửu, xã Phú Lý cần có cơ chế chính sách chỉ đạo đồng bộ để khuyến khích khai thác tiềm năng du lịch tại làng Chợ ro một cách hợp lý. Các cấp chính quyền địa phương, các sở ban ngành liên quan ở trên địa bàn cần thực hiện cơ chế, chính sách một cách có trách nhiệm để thúc đẩy phát triển du lịch nơi đây.

- Chỉ đạo các phòng tài chính, Văn hoá - Thể thao - Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn...phối hợp để hỗ trợ ban đầu cho phát triển mô hình làng du lịch văn hóa lịch sử nơi đây trong các vấn đề nghiên cứu, quy hoạch đầu tư.

- Chính sách định hướng cho phép chính quyền nơi đây mở rộng liên kết, hợp tác với các tổ chức, công ty du lịch, các cá nhân trong các lĩnh vực nghiên cứu, quy hoạch, tổ chức quản lý, đầu tư. Nhất là các nhà khoa học vào nghiên cứu xây dựng.



- Chính sách định hướng giải quyết những mâu thuẫn giữa các bên tham gia hoạt động du lịch nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa các mục tiêu kinh tế du lịch với bảo tồn và hỗ trợ cộng đồng.

- Chỉ đạo cho các sở, ban, ngành liên quan ở địa phương thực hiện chính sách lồng ghép phát triển du lịch trong các chương trình phát triển cộng đồng như: Chương trình xoá đói giảm nghèo, chương trình định canh định cư, chương trình phát triển nông - lâm nghiệp, kế hoạch hoá gia đình, phát triển y tế, giáo dục... Tất cả các chương trình này đều nhằm mục đích là mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng địa phương và đảm bảo sự phát triển bền vững.

- Xây dựng chính sách thưởng phạt và quản lý đối với các tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động du lịch nơi đây.

### ***3.2.2. Các giải pháp về xây dựng***

Hiện tại để xây dựng nơi đây trở thành một địa chỉ có thể đón tiếp khách du lịch và nhất là tạo ra một sản phẩm du lịch hấp dẫn đối với du khách thì cần thiết phải tiến hành cải tạo xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu.

- Cải thiện cơ sở hạ tầng trong làng để phù hợp với mô hình làng du lịch: xây dựng hoàn hệ thống đường giao thông trong làng bằng bê tông. Hiện tại hệ thống đường vào bản đã được nhựa hóa, tuy nhiên hệ thống đường trong thôn vẫn là đường đất đá. Do đó cần tiến hành bê tông hóa hệ thống đường nội bản để tạo cảnh quan đẹp, sạch sẽ để đón tiếp khách du lịch. Thực hiện giải pháp này có thể tiến hành theo hình thức nhà nước và nhân dân cùng làm. Khu BTTN-VH Đồng Nai hay chính quyền địa phương cung cấp kinh phí và người dân tự xây dựng. Bên cạnh đó cần cải tạo cầu Sa Mách đẹp hơn, rộng hơn tạo ấn tượng ban đầu khi vào bản, xây dựng bãi đậu xe tại Nhà Dài...

- Xây dựng, cải tạo một số nhà dân thí điểm về cơ sở đón tiếp du khách, các công trình nước sạch, nhà vệ sinh phù hợp với hoạt động du lịch. Lựa chọn một số hộ gia đình gần khu vực Nhà Dài để làm thí điểm. Chủ yếu là cải tạo hệ thống các công trình vệ sinh, nước sạch, buồng ngủ cho khách như giường, tủ, màn mành,... để có thể phục vụ nhu cầu tối thiểu của khách du lịch.

- Hoàn thiện khu vực cắm trại tại khu đất trước cổng Nhà Dài để có thể đón tiếp các đoàn khách là học sinh, sinh viên với số lượng lớn.

- Xây dựng hệ thống sân khấu và bãi đốt lửa sinh hoạt cộng chiêng cố định... Các hoạt động biểu diễn hiện nay của đồng bào đều được tiến hành tại sân Nhà Dài, nhưng chỉ mang tính tạm thời khi có dịp lễ hội họ mới tiến hành xây dựng tạm. Vì vậy cần xây dựng hệ thống sân khấu và bãi đốt lửa trại cố định để có thể dễ dàng chủ động cho việc đón tiếp và phục vụ khách tham quan.

- Xây dựng khu trưng bày và bán hàng lưu niệm và khu sản xuất các mặt hàng thủ công truyền thống. Theo kết quả khảo sát ý kiến khách du lịch khi tới tham quan bản làng Chơ ro thì họ mong muốn có một khu trưng bày và bán hàng lưu niệm tốt hơn hiện nay. Hiện tại các sản phẩm trưng bày và bán ngay dưới Nhà Dài, sản phẩm thì còn ít chưa đẹp mắt. Vì vậy cần tiến hành xây dựng một gian hàng kết hợp với khu vực sản xuất các sản phẩm thủ công truyền thống ngay dưới Nhà Dài nhưng có quy mô và đa dạng hơn để thu hút khách.

- Hỗ trợ và hướng dẫn xây dựng khu vườn trồng các loại rau rừng và khoai chup. Cùng với đó là khu ẩm thực cho du khách có thể tham gia. Có thể nói yếu tố lịch sử gắn liền với quá trình đấu tranh của đồng bào Chơ ro trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ là các sản phẩm này. Đây còn là sự thể hiện tấm lòng sắc son của đồng bào với cách mạng, với các chiến sĩ trong những năm tháng đấu tranh gian khổ. Cuộc sống khó khăn khổ cực nhưng đồng bào vẫn cùng đấu tranh với bộ đội giải phóng bằng các món ăn từ rau củ của rừng. Vì vậy việc xây dựng một khu trồng các loại nông sản này sẽ góp phần chủ động nguồn cung cấp cho các dịp phục vụ du khách, nhưng đồng thời tạo ra một nơi mà du khách có thể tham gia sản xuất cùng đồng bào.

### ***3.2.3. Các giải pháp về tổ chức quản lý và chia sẻ lợi ích từ du lịch***

Hiện tại các hoạt động du lịch tại làng dân tộc Chơ ro đều do Ban quản lý Khu BTTN-VH Đồng Nai quản lý. Tuy nhiên đây lại là địa bàn của xã Phú Lý, vì vậy các vấn đề quản lý du khách, an ninh trật tự gặp những khó khăn, chồng

chéo vì vậy việc quản lý hoạt động du lịch nơi đây cần thực hiện một số biện pháp sau:

- Tăng cường phối hợp và phân công trách nhiệm rõ ràng giữa Ban quản lý Khu bảo tồn và chính quyền xã Phú Lý trong việc đón tiếp và quản lý du khách tham quan, lưu trú.

- Người dân địa phương còn quá thiếu kiến thức, thông tin nên không thể tự đứng ra tổ chức và điều hành các hoạt động du lịch. Vì vậy để nâng cao hiệu quả khai thác và thu hút người dân làm du lịch tất yếu phải đầu tư để đào tạo, huấn luyện người dân các kỹ năng nghiệp vụ về du lịch (đón tiếp, phục vụ lưu trú, ăn uống, hướng dẫn, bán hàng...).

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi và động viên các gia đình người dân địa phương cho con em đến trường nhằm từng bước xóa bỏ nạn mù chữ cho đồng bào dân tộc. Đồng thời ưu tiên đào tạo và tuyển dụng con em địa phương vào làm việc tại Khu bảo tồn nói chung và làng du lịch Chơ ro nói riêng sau khi được đào tạo...

- Hiện tại nguồn khách du lịch đến đây đều qua sự giới thiệu và quản lý của Trung tâm sinh thái văn hóa thuộc Khu BTTN-VH Đồng Nai. Vì vậy cần xác định rõ ràng tỷ lệ lợi nhuận mà người dân được hưởng từ các hoạt động đón tiếp và phục vụ du khách. Trong thời gian tới khi hoạt động du lịch nơi đây phát triển thì việc này hết sức quan trọng. Khi đó nên chia sẻ các công việc hướng dẫn, bán đồ lưu niệm, phục vụ ăn uống cho người dân địa phương quản lý.

#### ***3.2.4. Các giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực cộng đồng***

- Cần mở các lớp tập huấn cho đồng bào để họ có thể đón tiếp và phục vụ khách du lịch một cách chuyên nghiệp. Công việc này cần có sự phối hợp giữa các ban ngành địa phương như Phòng văn hóa, chính quyền xã Phú Lý, Đoàn thanh niên, phụ nữ... để kêu gọi, vận động đồng bào đi tập huấn nâng cao trình độ nghiệp vụ phục vụ cho các hoạt động tại địa phương, trong đó có du lịch.

Các lớp tập huấn này không chỉ là các nội dung để đón tiếp du khách mà còn cả việc tập huấn khả năng tổ chức các hoạt động lễ hội, kết hợp tập huấn các

hoạt động lễ hội mà lâu nay bà con dân tộc vẫn làm nhưng chỉ trong các dịp lễ hội đưa ra phục vụ khách du lịch.

- Cần cử một số cán bộ quản lý của Khu bảo tồn và cán sự địa phương đi thực tế từ những mô hình thành công trong cả nước để học hỏi và áp dụng cho địa phương. Kết hợp với những cán bộ phụ trách tại Khu BTTN-VH Đồng Nai để cho một số cán bộ quản lý và người dân có thể đi tham quan học hỏi các mô hình đã thành công trên cả nước để về áp dụng cho địa phương.

- Nên khuyến khích, ưu tiên đào tạo đội ngũ cán bộ cho Khu bảo tồn và hoạt động du lịch tại đây là người dân tộc. Nên xây dựng chỉ tiêu cụ thể cho nguồn cán bộ là người dân địa phương để góp phần đào tạo nguồn cán bộ quản lý điều hành là người bản địa.

- Không ngừng nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ và nhân viên du lịch để có thể đón tiếp và phục vụ du khách quốc tế.

### ***3.2.5. Các giải pháp về nguồn vốn và liên kết đầu tư***

- Kêu gọi các tổ chức cá nhân đầu tư vào các hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng, tận dụng kêu gọi nguồn vốn của nhà nước đầu tư cho Khu bảo tồn để cùng với người dân xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng thôn bản theo hình thức xã hội hóa.

- Tiếp tục hợp tác với các tổ chức quốc tế về bảo tồn như: tổ chức UNESCO, tổ chức Bảo tồn thiên nhiên Thế giới để vừa nhận được sự hướng dẫn đúng đắn trong việc bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, vừa tranh thủ nguồn vốn đầu tư làm kinh phí xây dựng và hoạt động của làng du lịch.

- Liên kết với các trường đại học, nhất là các trường văn hoá và du lịch để thu hút lực lượng các đề tài nghiên cứu cho sự phát triển kinh tế xã hội của làng Chơ ro nói chung và hoạt động du lịch nói riêng.

- Kết hợp với các nhà khoa học về văn hóa, lịch sử và quy hoạch xây dựng, các công ty lữ hành để xây dựng nên một mô hình làng du lịch phù hợp.

### ***3.2.6. Các giải pháp về tiếp thị quảng cáo***

- Công tác quảng cáo tiếp thị có vai trò quan trọng trong phát triển du lịch. Có thể tiếp thị làng du lịch Chợ ro bằng nhiều cách:

- Kết hợp với các ấn phẩm giới thiệu về Khu BTTN-VH Đồng Nai để giới thiệu về làng du lịch Chợ ro.

- Sử dụng các phương tiện truyền thông khác như mạng internet, truyền hình, báo chí nhất là ấn phẩm Bản tin du lịch Đồng Nai của Trung tâm xúc tiến du lịch để giới thiệu về những nét hấp dẫn khi đến du lịch tại Khu BTTN-VH Đồng Nai nói chung và làng du lịch Chợ ro nói riêng.

- Liên kết với các điểm du lịch khác trên địa bàn như: hồ Trị An, Chiến khu D, Trung ương Cục Miền Nam, Vườn quốc gia Cát Tiên... để quảng bá về làng du lịch văn hóa - lịch sử Chợ ro.

- Tạo các mối quan hệ liên kết với các trường Đại học, Cao đẳng...trên địa bàn Đông Nam Bộ, nhất là sinh viên ngành văn hóa, du lịch để có được nguồn khách ổn định là những sinh viên đi nghiên cứu, thực tập thực tế. Liên kết với các công ty lữ hành trên địa bàn để giới thiệu về du lịch tại Khu BTTN-VH Đồng Nai nói chung và làng du lịch Chợ ro nói riêng được quảng bá rộng rãi.

### ***3.2.7. Các giải pháp về phát triển sản phẩm du lịch***

Xác định sản phẩm du lịch của làng Chợ ro là du lịch tìm hiểu văn hóa và cảm nhận các giá trị lịch sử. Vì vậy cần xây dựng các sản phẩm du lịch phù hợp nhưng phải tạo dấu ấn riêng cho du khách tham quan. Các sản phẩm cụ thể là:

- Lễ hội cồng chiêng, lửa trại, văn nghệ quần chúng. Đây được xem là nét đặc sắc của văn hóa dân tộc Chợ ro nơi đây. Các nghi thức, lễ hội trong tín ngưỡng dân gian của đồng bào được phục dựng lại, cải biến để có thể phục vụ khách du lịch. Trong đó chú ý phát triển đa dạng hơn phần hội để tạo ra các hoạt động thu hút du khách tham gia.

Ngoài những phần chính như múa hát cồng chiêng, đốt lửa thì nên phát triển các trò chơi mang tính thi đấu như: bắn cung, bắn nỏ, nấu cơm lam... và

các hoạt động sản xuất các sản phẩm thu công như khách tự làm cung, nỏ, đan gùi và các dụng cụ săn bắt khác của người dân địa phương trước đây...

- Chương trình thưởng thức ẩm thực. Có thể nói đây cũng là một nét hấp dẫn đối với du khách khi đến tham quan nơi đây. Cần xây dựng một thực đơn ẩm thực đa dạng, trong đó đáng chú ý là các sản phẩm sẵn có ở địa phương. Trong thực đơn nên tạo dấu ấn lịch sử bằng các món ăn mà người dân trước đây nuôi dấu bộ đội như: khoai chup, khoai sắn, rau tàu bay, rau nhíp... Đồng thời kết hợp các đặc sản của địa phương như: thịt nướng xiên, thịt nướng ướp rau rừng, bánh giày để tạo dấu ấn riêng cho khách du lịch.

- Kết hợp sinh hoạt và lao động sản xuất cùng người dân địa phương: làm nỏ, gùi, nấu cơm lam, đi hái rau rừng, khoai chup. Có thể nói cùng với ẩm thực thì việc tạo nên những hoạt động tham gia sản xuất với người dân địa phương là một sản phẩm du lịch tạo nên “tính lịch sử” cho du lịch nơi đây. Cần xây dựng một tuyến khai thác các sản phẩm trên trong rừng để du khách tham gia, kết hợp với xây dựng một khu vực trồng các loại cây rau rừng, khoai sắn, khoai chup... để du khách có thể tận mắt, tận tay và thực hiện các hoạt động từ chăm sóc, khai thác, chế biến và thưởng thức các món ăn gắn với truyền thống đấu tranh anh hùng của đồng bào. Cùng với đó du khách cũng có thể chế biến các món ăn đặc sản nơi đây như làm rượu cần, nấu cơm lam, nướng thịt... Có như vậy thì sản phẩm du lịch sẽ phong phú và hấp dẫn hơn.

Như vậy để xây dựng mô hình làng du lịch văn hóa lịch sử tại làng Chơ ro cần thiết phải thực hiện đồng bộ các giải pháp từ định hướng quy hoạch, điều hành hoạt động và cả công tác quảng bá tiếp thị... Để thực hiện được các giải pháp đó cần có sự chỉ đạo của các ban ngành đoàn thể và sự đồng thuận của người dân thông qua việc xây dựng bản hương ước làng bản. Sự vào cuộc đồng bộ hợp lý chắc chắn sẽ đem lại kết quả tốt. Điều đó không chỉ tạo ra một sản phẩm du lịch hấp dẫn khi đến Khu BTTN-VH Đồng Nai mà còn tạo ra sự thay đổi tích cực trong phương thức bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống và phát triển cộng đồng.

## KẾT LUẬN

Ngày nay hoạt động du lịch tìm hiểu văn hóa truyền thống và tập quán cộng đồng đang được quan tâm và phát triển rộng rãi. Trên bình diện quốc tế, nó được coi là loại hình du lịch có mối quan hệ chặt chẽ, và có trách nhiệm đối với công tác bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống. Các làng dân tộc thiểu số là những địa bàn phù hợp cần khuyến khích phát triển loại hình du lịch này.

Từ những kinh nghiệm thành công về mô hình phát triển các làng du lịch văn hóa ở các địa phương, gắn với tiềm năng và thực trạng hoạt động du lịch tại làng Chơ ro, chúng ta có thể rút ra những bài học cho việc định hướng và đề ra những giải pháp phát triển loại hình du lịch này như: đa dạng hoá các hình thức du lịch, bài học về sự tham gia của cộng đồng trong hoạt động du lịch nhằm duy trì, phát triển các giá trị truyền thống, bài học về quy hoạch, tổ chức không gian...

Làng dân tộc Chơ ro tại Khu BTTN-VH Đồng Nai là một trong số ít các làng Chơ ro còn giữ được tính nguyên vẹn của các giá trị văn hóa truyền thống và nhiều yếu tố nhân văn độc đáo chắc chắn sẽ là một điểm dừng chân lý tưởng, có sức cạnh tranh cao. Tuy nhiên, hoạt động du lịch ở đây hiện tại vẫn mang tính tự phát, chưa có sự tổ chức chặt chẽ. Do đó, việc định hướng phát triển du lịch phù hợp là cần thiết cho khu vực nghiên cứu.

Định hướng xây dựng và phát triển làng du lịch văn hóa lịch sử nơi đây được đưa ra trên cơ sở: phương hướng phát triển du lịch chung của tỉnh Đồng Nai, quy hoạch phát triển Khu BTTN-VH Đồng Nai, thực tế về nguồn tài nguyên, hiện trạng hoạt động du lịch và phù hợp với định hướng chiến lược phát triển du lịch của Việt Nam.

Trên cơ sở những định hướng và căn cứ vào tiềm năng và thực trạng du lịch tại đây, đề tài đề xuất một số giải pháp trong phát triển du lịch ở đây. Đây là

một đề tài liên quan đến nhiều lĩnh vực và được áp dụng cho một địa bàn cụ thể, một khu vực có độ nhạy cảm cao và chưa có quy hoạch chi tiết cho hoạt động du lịch. Trong lĩnh vực nghiên cứu của mình, đề tài mới chỉ đề cập đến những vấn đề mang tính bước đầu và cần được nghiên cứu sâu rộng hơn. Liên quan tới vấn đề này đề tài còn có nhiều hướng tiếp tục khai thác nghiên cứu như: nghiên cứu mối quan hệ giữa phát triển du lịch với phát triển cộng đồng tại làng Chơ ro nơi đây; vai trò của du lịch với công tác xóa đói giảm nghèo ở khu vực; vai trò của du lịch đối với việc bảo tồn các giá trị nhân văn ở làng Chơ ro...

Nhóm tác giả mong muốn đón nhận được những lời góp ý của các thầy giáo, cô giáo và các bạn đồng nghiệp để đề tài được hoàn chỉnh hơn.



### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ban cán sự ấp Lý Lịch 1 xã Phú Lý huyện Vĩnh Cửu tỉnh Đồng Nai
- [2]. Trung tâm sinh thái - văn hóa - lịch sử, Khu Bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai.
- [3]. Nguyễn Vũ Hà, Đoàn Mạnh Cường, “*Giáo trình Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch*”. NXB Lao động xã hội, Hà Nội 2006.
- [4] “*Xây dựng mô hình làng du lịch văn hóa – Lào Cai*”. [www.vanhoalaocai.vn](http://www.vanhoalaocai.vn)

# PHỤ LỤC

## Phụ lục 1. Phiếu thăm dò ý kiến khách du lịch

### PHIẾU THĂM DÒ Ý KIẾN CỦA KHÁCH DU LỊCH

Chúng tôi đang thực hiện đề tài nghiên cứu về “Xây dựng mô hình làng du lịch văn hóa - lịch sử tại khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai” (KBTTN-VH) nên cần những thông tin từ phía quý vị.

Để làm được điều này chúng tôi rất mong nhận được sự giúp đỡ của quý vị. Các câu trả lời, ý kiến đóng góp quý báu của quý vị sẽ giúp đỡ chúng tôi rất nhiều trong việc thực hiện đề tài nghiên cứu.

Chúng tôi xin đảm bảo rằng mọi thông tin của quý vị cung cấp sẽ chỉ sử dụng duy nhất cho mục đích nghiên cứu khoa học trong khuôn khổ của đề tài nghiên cứu này.

### NỘI DUNG CÂU HỎI

- Phiếu số.....

- Ngày.....

**1. Quý khách đến từ đâu?.....**

**2. Xin vui lòng cho biết về bản thân:**

- Giới tính.....Tuổi.....

- Nghề nghiệp.....

**3. Quý vị đến với KBTTN-VH Đồng Nai qua nguồn thông tin nào? (có thể có nhiều câu trả lời)**

☐ Bạn bè, người thân giới thiệu

☐ Quảng cáo

☐ Sách báo hướng dẫn

☐ Mua tour từ công ty du lịch

☐ Nguồn khác (xin ghi cụ thể).....

**4. Quý vị đến với KBTTN-VH Đồng Nai với mục đích? (có thể có nhiều câu trả lời)**

- |   |   |
|---|---|
| <input type="checkbox"/> Tham quan thiên nhiên            | <input type="checkbox"/> Học tập nghiên cứu         |
| <input type="checkbox"/> Thăm viếng các di tích lịch sử   | <input type="checkbox"/> Tìm hiểu văn hóa cộng đồng |
| <input type="checkbox"/> Nguồn khác (xin ghi cụ thể)..... |   |

**5. Quý vị ở lại KBTTN-VH Đồng Nai trong bao lâu?**

- |  |   |
|--|---|
| <input type="checkbox"/> Dưới 1 ngày     | <input type="checkbox"/> Từ trên 2 đến 3 ngày |
| <input type="checkbox"/> Từ 1 đến 2 ngày | <input type="checkbox"/> Trên 3 ngày          |

**6. Khi đến KBTTN-VH Đồng Nai quý vị sẽ chọn nơi nghỉ ngơi, lưu trú ở?**

(có thể có nhiều câu trả lời)

- |   |  |
|---|--|
| <input type="checkbox"/> Nhà khách của KBT                      | <input type="checkbox"/> Nhà Dài của đồng bào Chơ ro |
| <input type="checkbox"/> Nhà nghỉ gần KBT                       | <input type="checkbox"/> Lều trại                    |
| <input type="checkbox"/> Hình thức khác (xin nêu chi tiết)..... |  |

**7. Khi đến KBTTN-VH Đồng Nai quý vị sẽ chọn nơi ăn uống ở? (có thể có nhiều câu trả lời)**

- |   |  |
|---|--|
| <input type="checkbox"/> Nhà hàng của KBT | <input type="checkbox"/> Ẩm thực của đồng bào Chơ ro |
| <input type="checkbox"/> Nhà hàng gần KBT | <input type="checkbox"/> Tự túc mang theo            |

**8. Quý vị đánh giá như thế nào về tài nguyên du lịch tại KBTTN-VH Đồng Nai?**

- |   |   |
|---|---|
| <input type="checkbox"/> Rất đẹp, hấp dẫn       | <input type="checkbox"/> Bình thường              |
| <input type="checkbox"/> Tương đối đẹp, hấp dẫn | <input type="checkbox"/> Không đẹp, không hấp dẫn |

**9. Quý vị có biết thông tin gì về cộng đồng dân tộc Chơ ro tại KBTTN-VH Đồng Nai trước khi đến tham quan?**

- |  |                                     |
|--|-------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Biết rất rõ       | <input type="checkbox"/> Biết ít    |
| <input type="checkbox"/> Biết tương đối rõ | <input type="checkbox"/> Không biết |

**10. Quý vị có muốn tìm hiểu khám phá văn hóa truyền thống của cộng đồng dân tộc Chơ ro tại KBTTN-VH Đồng Nai?**

- |                                   |                                      |
|-----------------------------------|--------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Rất muốn | <input type="checkbox"/> Bình thường |
| <input type="checkbox"/> Muốn     | <input type="checkbox"/> Không muốn  |

**11. Nếu tham gia chương trình du lịch tìm hiểu khám phá văn hóa truyền thống của cộng đồng dân tộc Chơ ro tại KBTTN-VH Đồng Nai, quý vị muốn tham gia những hoạt động nào? (có thể có nhiều câu trả lời)**

- |  |  |
|--|--|
| <input type="checkbox"/> Tham gia lễ hội truyền thống              | <input type="checkbox"/> Thưởng thức ẩm thực             |
| <input type="checkbox"/> Mua sắm đồ lưu niệm                       | <input type="checkbox"/> Tham gia các hoạt động sản xuất |
| <input type="checkbox"/> Hoạt động khác (xin cho biết cụ thể)..... |  |

**12. Quý vị có cho rằng nếu trong chương trình du lịch tại KBTTN-VH Đồng Nai, có các hoạt động tham quan tìm hiểu văn hóa cộng đồng Chơ ro sẽ hấp dẫn hơn?**

- |  |  |
|--|--|
| <input type="checkbox"/> Hấp dẫn hơn nhiều | <input type="checkbox"/> Bình thường   |
| <input type="checkbox"/> Hấp dẫn hơn       | <input type="checkbox"/> Không hấp dẫn |

**13. Theo quý vị để chương trình tham quan tìm hiểu văn hóa cộng đồng Chơ ro tại KBTTN-VH Đồng Nai hấp dẫn hơn cần cải thiện?**

(có thể có nhiều câu trả lời)

- |  |   |
|--|---|
| <input type="checkbox"/> Các chương trình biểu diễn                  | <input type="checkbox"/> Ẩm thực                    |
| <input type="checkbox"/> Cơ sở hạ tầng                               | <input type="checkbox"/> Đồ lưu niệm                |
| <input type="checkbox"/> Các dịch vụ đón khách tại Nhà Dài           | <input type="checkbox"/> Giá cả ăn uống, lưu trú... |
| <input type="checkbox"/> Công tác thông tin hướng dẫn, quảng bá      |   |
| <input type="checkbox"/> Nâng cao chất lượng phục vụ của người dân   |   |
| <input type="checkbox"/> Các dịch vụ khác (xin cho biết cụ thể)..... |   |

***XIN CẢM ƠN SỰ GIÚP ĐỠ CỦA QUÝ VỊ***

## Phụ lục 2. Nội dung thăm dò ý kiến người dân địa phương

### 1. Các câu hỏi về khả năng phát triển du lịch tại làng Chơ ro

STT	Nội dung thăm dò				
1	Ông bà có mong muốn khách du lịch đến tham quan tại bản làng không	Rất muốn	Muốn	Bình thường	Không muốn
2	Ông bà có biết gì về mô hình làng du lịch không	Biết rõ	Nghe qua		Không biết
3	Ông bà có cho rằng việc phát triển du lịch nơi đây sẽ ảnh hưởng tốt đến bảo tồn văn hóa địa phương	Rất tốt	Tốt	Bình thường	Không tốt
4	Ông bà có cho rằng việc phát triển du lịch nơi đây sẽ ảnh hưởng tốt đến bảo tồn kinh tế địa phương	Rất tốt	Tốt	Bình thường	Không tốt
5	Nếu mô “hình làng du lịch” được xây dựng ông bà có muốn tham gia vào các hoạt động du lịch không	Rất muốn	Muốn	Bình thường	Không muốn
6	Theo ông bà có nên xây dựng mô hình làng du lịch tại đây không	Rất cần thiết	Cần thiết	Bình thường	Không nên

### 2. Câu hỏi về các hoạt động mà người dân muốn tham gia:

*Nếu các hoạt động du lịch được phát triển nơi đây, ông bà có muốn tham gia vào các hoạt động nào?*

STT	Hoạt động du lịch mà người dân muốn tham gia	
1	Phục vụ, tham gia lễ hội	
2	Cung cấp thức ăn đồ uống cho khách	
3	Sản xuất, bán đồ lưu niệm cho khách	
4	Hướng dẫn khách tham quan bản làng	
5	Phục vụ chỗ ở cho khách	
6	Khác	

***XIN CẢM ƠN SỰ GIÚP ĐỖ CỦA QUÝ VỊ***

**Phụ lục 3. Nội dung thăm dò ý kiến các cấp quản lý**

1. Xin ông bà cho biết, việc phát triển du lịch tại làng dân tộc Chơ ro có khả thi hay không?
2. Xin ông bà cho biết ý kiến của các ban ngành về việc phát triển du lịch tại làng dân tộc Chơ ro?
3. Xin ông bà cho biết, việc phát triển du lịch tại làng dân tộc Chơ ro cần có sự phối hợp như thế nào?
4. Xin ông bà cho biết chủ trương của khu bảo tồn trong việc phát triển du lịch nói chung và khai thác các giá trị văn hóa – lịch sử tại làng dân tộc Chơ ro cho phát triển du lịch?

***XIN CẢM ƠN SỰ GIÚP ĐỖ CỦA QUÝ VỊ***

**Phụ lục 4. Một số hình ảnh về du lịch tại KBTTN-VH Đồng Nai**



***Đại ngàn rừng nguyên sinh***



***Hồ nước trong xanh giữa rừng***



***Đường lên Khu BTTN-VH Đồng Nai***

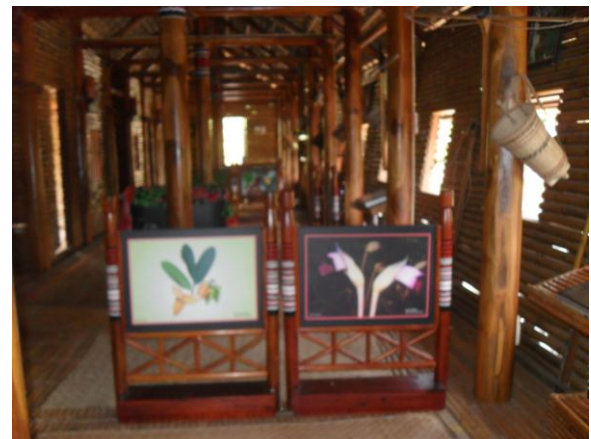




*Đường vào Trung ương Cục Miền Nam*



*Bản làng Chơ ro*



*Bên trong Nhà Dài*



*Trang phục người Chơ ro*



*Nhà ở người Chơ ro*



*Ẩm thực Chơ ro*



*Lễ hội công chiêng cúng thần Lúa của người Chơ ro*